

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký

phần 3

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Giảng tại: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Tập 07

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp Hệ Niệm Pháp Sư, phần A Di Đà Kinh. Lần trước đã giảng đến vị thứ tư trong mười sáu vị tôn giả, nay bắt đầu từ vị thứ năm:

Ma Ha Câu Hy La.

摩訶俱絺羅。

Vị này là cậu ngài Xá Lợi Phất. Trước kia, Ngài cũng là một nhân vật nổi tiếng trong xã hội, cũng khá tự phụ, thích cùng người khác biện luận. Trước kia, biện luận cùng chị, Ngài luôn chiếm thế thượng phong; từ khi bà chị mang thai, mỗi lần tranh luận Ngài đều thua. Ngài nghĩ: "Không đúng rồi! Thật ra chị mình chẳng có năng lực ấy, không cãi hơn được mình, chắc là đứa bé đang nằm trong bụng phải là một đứa trẻ có trí huệ. Đứa trẻ này sanh ra, nó là cháu ruột mình, mình là cậu nó. Nếu ta biện luận thua nó, còn mặt mũi gì làm cậu nữa!" Bởi thế, bèn đi học đạo, đến các nơi cầu thầy hỏi bạn, trong nhà Phật gọi là "*tham học*". Dũng mãnh tinh tấn, ngay cả thời gian để cắt móng tay cũng không có; vì thế Ngài để móng tay rất dài. Người được mọi người kêu là Trường Trảo Phạm Chí (thầy tu Bà La Môn để móng tay dài) chính là Ngài vậy.

Sau này, Xá Lợi Phất sanh ra, quả nhiên trí huệ phi phàm. Sau đấy, Xá Lợi Phất theo học với Thích Ca Mâu Ni Phật, ngài Câu Hy La chẳng phục, tìm Thích Ca Mâu Ni Phật toan tranh luận. Cuối cùng, Ngài chẳng thể không bội phục, cũng phát nguyện xuất gia, làm đệ tử thường tùy của Phật. Ngài là bậc "*vấn đáp đệ nhất*", bác học, đa tài, học rộng, nghe nhiều. Từ điểm này, ta thấy Tăng đoàn của Thích Ca Mâu Ni Phật đúng là có đủ mặt những đại biểu thuộc tầng lớp văn hóa tối cao đương thời. Trong phần trên, Ngẫu Ích đại sư đã hé lộ sự thật: Các vị ấy đều là cổ Phật, hoặc Pháp Thân Bồ Tát tái lai, thị hiện đủ cách, hòng báo cho đại chúng trong xã hội biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn. Đây thực sự là một pháp môn khó tin. Nếu quý vị có thể tin được, học được, hiểu được thì

lợi ích vô lượng vô biên, đúng là chẳng thể kể được hết. Vị thứ sáu là:

Ly Bà Đa.

離婆多。

Những vị này đều thuộc loại "*đức huệ tài năng*". Ngài là bậc "*vô đảo loạn bậc nhất*". Ly Bà Đa (Revata) dịch sang tiếng Hán là Tinh Tú. Trong kinh Di Đà, chúng ta niệm đến những câu "*nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo*", ngài Ly Bà Đa đúng là đại diện cho những cảnh giới ấy. Cảnh giới ấy ta cũng thường gọi là "*chánh giác chẳng mê*". Ngài thực hiện viên mãn Tam Quy Y, thực sự thực hiện "giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm".

Đồng học các nơi thường có người đến hỏi: "Đạo tâm chẳng dễ giữ gìn, thường bị thoái chuyển". Với những vị đồng học ấy, tôi đều nói lời thành thực sau: "Đúng là rất dễ bị thoái chuyển, làm thế nào giữ cho không thoái chuyển? Quý vị phải tự nghĩ biện pháp!" Vì sao tôi phải nói như vậy? Mỗi cá nhân căn tánh bất đồng, nghiệp duyên bất đồng. Do vậy, không có cách nhất định nào để nói cả! Nếu có một phương pháp [duy nhất], Thích Ca Mâu Ni Phật cần gì phải giảng tám vạn bốn ngàn pháp môn, phải nói vô lượng pháp môn? Nói một môn là đủ rồi! Căn tánh chẳng tương đồng, cơ duyên chẳng giống nhau vậy!

Về phương pháp mỗi người sử dụng cũng phải thường biến hóa. Ví như chúng ta đi đường, thấy phía trước không thông, bị chướng ngại vật ngăn trở, làm cách nào đây? Chẳng thể tiến thẳng được, thì phải đi vòng, đi quanh, thông hiểu quyền biến! Bản thân mỗi cá nhân có rất nhiều chướng ngại, mình phải có trí huệ, phải có phương tiện. Phương tiện là phương pháp ổn thỏa, tốt đẹp nhất để đột phá chướng ngại thì quý vị mới có thể thành tựu. Theo kinh nghiệm của chính tôi, làm thế nào để chẳng bị thoái chuyển ư? Lên đài giảng kinh! Cả một đời tôi dùng phương pháp này.

Bởi thế, có người nói tôi rất thích giảng, kẻ ấy không thấy rõ, kẻ ấy không hiểu vì sao tôi phải giảng kinh? Giảng kinh nhằm buộc chính mình chẳng thoái chuyển. Trong giai đoạn mới học, tôi đã thưa cùng quý vị rồi đó, vừa mới ra học giảng kinh, giảng một tiếng đồng hồ, phải mất bốn mươi tiếng chuẩn bị, toàn tâm toàn lực chuẩn bị cho công tác lên tòa giảng, không có thời gian, cũng chẳng có tinh thần khởi vọng tưởng. Đây là một phương pháp rất tốt, tự mình phải dùng phương pháp hữu hiệu để bức bách chính mình thì quý vị mới có thể thành tựu, quyết định chẳng được buông lung, lười nhác.

Tôi ở Mỹ quốc chẳng có cơ duyên giảng kinh hằng ngày: Không có thính chúng! Tôi làm cách nào? Tôi mua một cái máy thu hình nhỏ, loại máy thu hình nhỏ thời đó lớn hơn [máy thu hình] hiện nay, tôi để trong phòng tôi, mỗi ngày đối trước nó giảng hai tiếng đồng hồ. Giảng xong mở lại cho mình coi, lại lấy chính mình làm thính chúng. Nếu không học như thế, làm sao có thể học cho thông được. Phương pháp ấy tôi dùng ở Mỹ quốc từng bị các đồng học phát hiện, vì tôi cứ nhốt mình trong phòng làm chuyện đó. Nếu chẳng giảng kinh, nhất định bị thoái chuyển. Từ phương pháp ấy, tôi tạo thành một thói quen, mỗi ngày đều phải đọc kinh, mỗi ngày đều phải tìm cơ hội giảng pháp, giữ cho mình không bị thoái chuyển. Bởi thế, phải dựa vào đó, chẳng thể dựa vào người khác, chẳng thể dựa vào đạo tràng. Nói thật ra, trong kinh đức Phật dạy chúng ta: "*Thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy*" (thế gian vô thường, cõi nước mỏng manh). Phật xưng là Vô Y Đạo Nhân (ông đạo không nương tựa ai), lời răn dạy ấy chúng ta phải thường ghi trong lòng, người nương dựa duy nhất là chính mình, nương tựa vào sự tỉnh giác cao độ của chính mình.

Trong phần trước, chúng tôi đã thưa cùng quý vị, chúng Thanh Văn này chẳng tách rời Phật, thường theo Phật, tôi nói chúng ta cũng phải là Thường Tùy Chúng của Phật. Phật ở tại đâu? Ở trong kinh điển, kinh điển là trụ xứ của chư Phật. Chúng ta phải nương nhờ kinh điển, kinh điển là Phật, đáng nương cậy nhất, vĩnh viễn chẳng bị biến đổi. Nhân tình thế sự thiên biến vạn hóa, tâm chẳng thể chạy theo bên ngoài, đuổi theo bên ngoài phiền não rất nhiều. Quý vị nói học theo các pháp sư giảng kinh ư? Trước kia, tôi ở Đài Trung học kinh giáo, học giảng kinh, thầy Lý đã nhiều lần bảo tôi: "Tương lai ông giảng kinh không hay, mọi người chê cười ông, vẫn không sao! Nếu giảng rất hay, ông không còn đường nào để đi đâu!" Vì sao giảng kinh hay sẽ không còn đường nào để đi? Cổ nhân Trung Quốc có một câu rất có lý: "*Đồng hành tương kỵ*" (người đi cùng đường ghét nhau), ghen ghét ấy mà! Trong đạo tràng này, nếu quý vị giảng hay hơn người khác, tất cả mọi người đều ghen ghét mình, nhất định quý vị phải ra đi, bị dồn vào đường cùng!

Lời thầy nói, tôi có ấn tượng rất sâu đậm, dẫu vậy, vẫn không lo lắng, chưa hề nghĩ sau này thực sự bị dồn vào đường cùng. Nếu chẳng phải là nhờ cả nhà Hàn Quán Trưởng phát tâm từ bi, đón tôi về ở trong nhà bà, ở suốt mười bảy năm, mãi cho đến khi chúng tôi có được một cái Đồ Thư Quán, tôi mới có thể rời khỏi nhà bà Hàn Quán Trưởng, sống trong Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội, sống trong Hoa Tạng Đồ Thư Quán. Lời thầy Lý nói đã thành sự thật! Người có học vấn, học vấn chân chánh, nhất định phải hiểu được thế nào là thực sự thâm tàng bất lộ, mới hòng bảo toàn chính mình. Bởi thế, phải biết khiêm hư, nhường nhịn, chỗ nào cũng chẳng dám hơn

người khác, thì chính mình mới tự bảo toàn được, cả một đời nhất định chẳng nghĩ chuyện vượt trội người khác, điểm này rất trọng yếu!

Ta học xong để hoằng pháp lợi sanh trong tương lai ư? Không sai! Phải đợi cơ duyên, chớ nên lo lắng. Quý vị có thành tựu, Phật, Bồ Tát sẽ an bài thay cho quý vị. Tôi thực sự đắc lực nhờ một câu giáo huấn của Chương Gia đại sư. Thời tiết, nhân duyên đã chín muồi thì Phật, Bồ Tát sẽ an bài cho quý vị, tự mình chẳng phải nhọc lòng. Nếu ta vội vàng gấp gáp, sẽ thường có khó khăn chẳng ngờ xuất hiện! Đúng là muốn nhanh chẳng được! Hoằng pháp lợi sanh chắc chắn chẳng đơn thuần, phải hội đủ rất nhiều điều kiện; duyên chín muồi rồi thì chư Phật, Bồ Tát, thiên long thiện thần ủng hộ quý vị. Nếu thời tiết, nhân duyên chưa chín muồi, ngàn vạn phần chính mình chẳng nên khinh thường, vọng động.

Đương nhiên, đặc biệt đối với kẻ sơ học, có thầy ở bên cạnh chiếu cố thì tốt rồi. Gặp phải nghi hoặc gì, bèn thỉnh giáo thầy, thầy cho ý kiến để tham khảo. Thế nhưng giờ đây, địa cầu đã thu nhỏ lại, có người bảo nay nên gọi quả địa cầu này là "*địa cầu thôn*", tôi cảm thấy địa cầu so với một thôn vẫn còn nhỏ hơn, phải nói đơn giản, thẳng thắn là một đại gia đình. Nhất là trong lúc kỹ thuật thông tin phát đạt, ở bất cứ xó xỉnh nào trên toàn thế giới vừa phát sanh một sự kiện nhỏ nhặt gì, toàn thế giới đều biết cả; từ mạng Internet, từ vệ tinh, truyền hình, lập tức truyền đi.

Bởi thế, nay ta ở trong thế gian này, có thể nói là chẳng bị khoảng cách nào ngăn trở. Thầy của chúng ta, bạn đạo đồng tham, thiện tri thức chẳng cần biết ở nơi nào, chúng ta cứ bấm điện thoại liền có thể tiếp cận. Quý vị thấy những máy điện thoại cầm tay (cell phone) hiện thời rất thuận tiện; có nghi hoặc gì bèn có thể lập tức thỉnh giáo. Loại điện thoại tối tân có màn hình, năm ngoái tôi đã từng thấy [loại này] ở Nhật Bản. Gọi điện thoại cho đối phương, vẻ mặt của đối phương bèn hiện hình trong cell phone; trên máy điện thoại có một màn huỳnh quang nhỏ, trông thấy mặt người đối diện rất rõ rệt; cho thấy khoảng cách không còn nữa, không gian chẳng còn nữa. Chúng ta có còn phải giống như thời Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt ngày phải theo chân thầy nữa hay chẳng? Chẳng cần nữa! Quần bên chân thầy thì có rất nhiều việc chúng ta không thể làm được.

Tôi tin là khoảng sau ba năm nữa, có lẽ loại cell phone thấy được hình đối phương chắc chắn rất phổ biến. Hình như năm ngoái tôi đã từng nói, mạng Internet quốc tế (hiện thời gọi là broadband) phát triển không ngừng. Tôi tin là chẳng đầy mấy năm nữa, mạng Internet và cell phone rất có khả năng thay thế cho hệ thống TV vệ tinh hiện thời. Là vì sao? Chúng thực sự không thuận tiện cho lắm, nhất định sẽ phát triển theo phương hướng trên. Chúng ta học tập, mọi đồng học ở cùng một chỗ học tập Phật pháp, cần phải lợi dụng khoa học kỹ thuật cao để tạo rất nhiều sự thuận tiện cho

chúng ta. Chúng ta có thể đối diện trò chuyện qua màn ảnh nhỏ “như đang ở ngay trước mặt”, khoa học kỹ thuật đã giúp cho chúng ta như vậy.

Trong đoạn này, tôn giả Ly Bà Đa là một vị đức huệ tài năng. Vị thứ bảy là:

Châu Lợi Bàn Đà Già.

周利槃陀伽。

Vị này hoàn toàn tương phản với những vị vừa kể trên. Ngài là kẻ ngu si độn căn, đây cũng là biểu thị nhân quả, nhưng giới tuyến giữa “*hiển thị nhân quả*” và “*tinh tấn phá chướng*” chưa được vạch ra. Rất nhiều vị đồng học biết ngài Châu Lợi Bàn Đà Già (Suddhipanthaka), trong các đệ tử của đức Thế Tôn, Ngài là người ngốc nhất, trí nhớ tệ nhất. Phật dạy bài kệ bốn câu, niệm bao nhiêu ngày vẫn niệm không xuôi, niệm câu trên, quên câu dưới, dạy cho câu dưới, quên tuốt câu trên. Anh Ngài cũng xuất gia, khuyên Ngài nên trở về nhà: “Không xong rồi! Người không có cách gì học được! Ngu đến thế thì thôi!” Ngài khóc lóc, gào khóc ầm ĩ; đức Phật trông thấy, hỏi:

- Vì sao con khóc?
- Anh con muốn con quay về nhà.

Đức Phật bảo Ngài:

- Không sao cả, ông cứ ở đây mà chăm học.

Đức Phật đưa cho Ngài cây chổi, dặn Ngài hằng ngày quét đất, [vừa quét vừa] niệm “*tảo chú*” (quét dọn). Đức Phật dạy Ngài đừng nghĩ đến gì khác, tay cầm chổi liền quét dọn, ngày ngày quét tước, tinh thần ý chí tập trung vào việc quét dọn. Đức Phật dạy Ngài phương pháp như vậy. Không ít lâu sau, Ngài khai ngộ, chứng quả A La Hán. Bạn đồng học đều lấy làm lạ: “Sao ông lại có thể khai ngộ, chứng quả được?”

Đức Thế Tôn bèn bảo đại chúng:

- Đời trước, Châu Lợi Bàn Đà Già là một vị Tam Tạng pháp sư, chẳng phải tầm thường, giảng kinh thuyết pháp cho đại chúng, phải giữ lại một chút, tiếc pháp mà! Sợ người khác đều học cao hơn mình. Vì thế, dạy người khác luôn giấu bớt, chẳng chịu dạy trọn vẹn cho người khác.

Đức Phật nói đời này [ngài Châu Lợi Bàn Đà Già] ngu si là do quả báo của tội tiếc pháp; đến lúc ấy, mọi người mới hiểu rõ sự việc. Trong kinh Phật thường nói tiếc của bị quả báo bần cùng, tiếc pháp bị quả báo ngu si, đều có nhân quả cả! Thích Ca Mâu Ni Phật có đủ trí huệ viên mãn, thần thông, đạo lực, Ngài biết cội gốc chứng bệnh ngu si của ngài Châu Lợi Bàn Đà Già nằm tại đâu; do vậy, có phương pháp đối trị giúp ngài Châu Lợi không

phục. Mọi người chẳng có năng lực ấy, cho nên đành phải bỏ mặc Ngài, chẳng dạy Ngài nữa. Ngài là bậc "*nghĩa trì đệ nhất, khốn học thành công*" (giữ gìn nghĩa lý bậc nhất, học hành khó khăn mà thành công).

Bởi vậy, có kẻ tự biết căn tánh của chính mình rất tệ, chẳng có tư chất, trí nhớ cũng dở, ta làm sao có thể học Phật? Ở đây, ngài Châu Lợi Bàn Đà Già thị hiện cho quý vị thấy, căn tánh của quý vị, trí nhớ của quý vị so với ngài Châu Lợi Bàn Đà Già thì như thế nào? Nghĩ ra, ta còn đỡ hơn Ngài một chút, Ngài có thể thành công thì sao quý vị chẳng thể thành công? Ngài cổ vũ kẻ Hạ Hạ căn rất lớn. Pháp môn này thích hợp khắp ba căn, thâm tóm lợi căn lẫn độn căn, những người như vậy được nêu gương ở chỗ này. Quý vị nói mình có trí huệ ư? So với trí huệ của ngài Xá Lợi Phất thì sao? Chẳng bằng! Ngài Xá Lợi Phất cũng niệm A Di Đà Phật, quý vị có nên niệm hay chẳng? Vị thứ tám là:

Nan Đà.

難陀。

Nan Đà (Nanda) là em ruột Thích Ca Mâu Ni Phật. Anh em Thích Ca Mâu Ni Phật gồm hai người, hai anh em ruột cùng xuất gia. "*Nghi dung thanh diệu đệ nhất*" (đẹp đẽ, oai nghi, tiếng nói hay bậc nhất). Tướng mạo đẹp đẽ, rất oai nghi, tiếng nói cũng hay. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng độ Ngài xuất gia; sau khi xuất gia theo đuổi công tác giảng dạy trong xã hội đa nguyên văn hóa. Thích Ca Mâu Ni Phật vứt bỏ ngôi vua, chỉ có hai anh em, cũng đem em theo luôn! Nếu nói theo thông tục, [chừng như] cả tình lẫn lý đều chẳng thông, mình xuất gia, lẽ ra phải lưu lại đời sau cho gia đình; nhưng con trai Thích Ca Mâu Ni Phật cũng cho xuất gia luôn. Da Thâu Đà La là phi tử của Phật, về sau cũng xuất gia nốt. Nếu xuất gia chẳng phải là việc tốt, sao Thích Ca Mâu Ni Phật lại làm như thế? Thực sự đạt được lợi ích viên mãn rất ráo, vĩnh viễn liễu thoát sanh tử. Vị thứ chín là:

A Nan Đà

阿難陀。

Tức là tôn giả A Nan (Ānanda), danh tiếng vị này rất lớn, ai nấy đều biết cả. Chúng ta nói đến tôn giả A Nan chính là vị này đây. Ngài là thị giả của Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng là em họ của Phật. Anh em họ của Thích Ca Mâu Ni Phật tổng cộng tám người; trong các anh em họ, Thích Ca Mâu Ni Phật lớn tuổi nhất, Ngài là "lão đại", tôn giả A Nan trẻ nhất, là em họ út. Ngài nhỏ hơn Thích Ca Mâu Ni Phật chừng ba mươi tuổi. "*Đa văn đệ nhất*,

bác văn cường ký" (Đa văn bậc nhất, nghe rộng, nhớ dai). Sở trường của ngài A Nan tương phản một trăm tám mươi độ với ngài Châu Lợi Bàn Đà Già! Tôn giả A Nan nghe Phật giảng kinh, nghe một lần vĩnh viễn chẳng quên mất.

Vì thế, sau khi Phật diệt độ, chuyện kết tập kinh tạng phải cậy tôn giả A Nan đem những kinh do đức Phật đã nói trong cả một đời nhắc lại một lượt; đại chúng căn cứ vào lời trùng tuyên của Ngài. Như vậy, Phật pháp được hoằng truyền cả mấy ngàn năm, học kinh giáo theo phương pháp nào? Thầy đều là chọn lối "phúc giảng" (nhắc lại); trong nhà Phật gọi là "phúc tiểu tòa"¹[1]. Phương pháp này khởi đầu từ ngài A Nan, là nguyên do đó. Sau này, chư Tổ các đời truyền dạy cho nhau cũng đều dùng phương pháp này, nhất định chưa hề nói quý vị phải tự lấy kinh luận mà nghiên cứu, phải tham khảo tư liệu để soạn bài giảng, chẳng phải vậy! Chỉ có phương pháp này, nhất định chẳng thể biến đổi, phải phúc giảng (nhắc lại lời thầy đã giảng) thì quý vị mới hòng tránh khỏi lầm lỗi! Tự mình chưa có ngộ xứ, chắc chắn chẳng thể phát huy²[2], nếu phát huy sẽ lầm lạc.

Đời Đường, thiền sư Bách Trượng độ một con chồn, công án ấy rất nhiều người biết: "*Thác hạ nhất cá tự chuyển ngữ, đọa ngữ bách thể dã hồ thân*" (Trót nói lầm một chữ chuyển ngữ, năm trăm đời đọa kiếp chồn hoang). Con chồn ấy đời trước là pháp sư giảng kinh, có người hỏi ông ta một câu, ông ta đáp sai, phải chịu trách nhiệm nhân quả, vì ông ta dạy sai người khác. Bởi thế, vị pháp sư ấy chết đi, bèn đọa làm thân súc sanh, biến thành con chồn. Đến đời Đường, con chồn ấy tu hành cũng khá, cũng có thần thông, biết nghiệp chướng đời trước, nhưng không có cách nào thoát thân chồn. Đúng ngay lúc đó, may sao gặp được thiền sư Bách Trượng là một vị Bồ Tát khai ngộ, là bậc minh tâm kiến tánh. Bách Trượng đại sư giảng kinh thuyết pháp, chồn thường đến nghe, hiện làm một vị lão cư sĩ râu tóc bạc phơ thường đến nghe kinh, người trong đạo tràng đều biết ông ta. Chỉ có Bách Trượng đại sư biết ông ta không phải là người, mà là hồ ly tinh, mọi người không biết!

Có một ngày, lão hồ ly đem đoạn công án trước kia của ông ta thưa hỏi pháp sư Bách Trượng, cầu pháp sư Bách Trượng cứu vớt. Bách Trượng đại sư nói: "Ngày mai ông đến, ngày mai ta thượng đường thuyết pháp, ông đem câu hỏi trước kia người ta hỏi ông, đem đúng câu ấy hỏi tôi" A! Hôm

¹[1] Phúc tiểu tòa là lối tập giảng, trong đó, học trò sẽ lên tòa giảng, giảng lại dựa theo lời giảng của thầy trước đó. Tham dự những buổi giảng như vậy chỉ có thầy và các đồng học, không có người ngoài tham dự nên gọi là "tiểu tòa". Mục đích của phúc tiểu tòa nhằm giúp cho người giảng luyện tập, cũng như tiếp nhận sự đóng góp ý kiến của thầy và đồng học.

²[2] Phát huy ở đây có nghĩa là tự mình lập ra ý kiến riêng nhằm giải thích những điều người trước chưa nói tới, hay chưa giảng căn kẽ.

sau ông ta đến thật. Trong quá khứ có người hỏi ông ta, tức là khi ông ta làm pháp sư có người hỏi: “Bậc đại tu hành còn thuộc trong nhân quả hay không?” Ông ta đáp như thế nào? “*Bất lạc nhân quả!*” (chẳng thuộc trong nhân quả). Nói vậy là sai! Ngày hôm sau, ông ta đem chuyện đó hỏi Bách Trượng đại sư, Bách Trượng đại sư chỉ đổi một chữ. Do vậy, ông cũng hỏi: “Người tu hành còn rớt trong nhân quả hay không?” Bách Trượng đại sư nói: “*Đại tu hành nhân bất muội nhân quả*” (Bậc đại tu hành chẳng lầm nhân quả).

Quý vị thấy đó một đằng là “*bất lạc*”, một đằng là “*bất muội*”. Đổi một chữ thôi, ông ta bèn thoát thân chồn. Ngày hôm sau, con chồn già chết, Bách Trượng đại sư mới dẫn vài người, mang cuốc, mang ky ra sau núi, bảo mọi người: “Con chồn già sau núi đã chết rồi!” Đến nơi, quả nhiên thấy con chồn già đã chết rồi, Bách Trượng chỉ vào chồn nói: “Con chồn già này hôm qua đến hỏi ta”, kể cho mọi người nghe đoạn công án ấy. Đại chúng nghe xong lông tóc dựng ngược. Nếu anh giảng kinh thuyết pháp sai lầm, dạy lầm chúng sanh, tội lỗi ghê gớm lắm! Bởi thế, đời này truyền cho đời kia là phúc giảng, nhất định chẳng dám xen tạp ý nghĩ riêng của mình vào đó, thì mới khỏi gánh trách nhiệm nhân quả. Nếu giảng lầm là thầy mình giảng lầm chứ ta không giảng lầm.

Bởi thế, chúng tôi học giảng kinh, thầy dạy chúng tôi cách giảng như thế nào? Chính mình chưa khai ngộ (đừng nói là đại ngộ, tiểu ngộ cũng chưa có) thì nhắc lại lời thầy, nhắc lại lời cổ nhân. Quý vị nghe tôi giảng kinh A Di Đà, tôi giảng theo bản chú giải Sớ Sao của Liên Trì đại sư, tôi giảng theo sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Đối với Yếu Giải, tôi cũng tham khảo hai bản, bản A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh và bản A Di Đà Kinh Yếu Giải Thân Văn Ký của pháp sư Bảo Tịnh, tôi giảng theo bản chú giải của các Ngài. Các Ngài chú giải bằng thể loại Văn Ngôn, tôi đem Văn Ngôn biến thành văn nói, biến thành văn Bạch Thoại^{3[3]}. Nếu có giảng sai là các vị đó chú giải sai, tôi chẳng giảng sai.

Lúc mới học giảng kinh, học theo thầy. Trước kia, chúng tôi học tập rất khổ sở, vì sao? Không có máy thâu âm, không có máy thâu hình, thầy giảng kinh, chúng tôi toàn phải chép tay, phải dựa vào bút ký, khá là khó nhọc. Thường bị ghi sót, làm sao ghi hoàn toàn được? Ghi sót thì làm sao? Hỏi bạn đồng học, xem vị đồng học nào chẳng ghi sót câu ấy. Vì thế, mấy bạn

^{3[3]} Văn ngôn và Bạch Thoại là hai thể văn của Trung Quốc. Bạch Thoại còn gọi là Ngữ Thể, một thể viết theo tiếng nói. Nói cách khác, đó là hình thức văn viết của tiếng Phổ Thông (Mandarin) hay Hán Ngữ hiện đại. Văn Ngôn là loại bút ngữ dùng trong biên chép hoặc trước thuật, là loại Hán ngữ được dùng phổ biến từ phong trào Ngũ Tứ (1919) trở về trước. Đối với người Trung Quốc, một cách thực hành để phân biệt hai thể văn ấy là: “*Hễ dùng tai nghe và hiểu được là Bạch Thoại; hễ không dùng mắt để xem thì không hiểu được thì là Văn Ngôn*”. (Theo Trần Văn Chánh, *Từ Điển Hư Từ Hán ngữ cổ đại và hiện đại*, nxb Trẻ, TPHCM, 2002).

đồng học hợp lại, chỉnh lý bút ký. Các đồng học chúng tôi lúc mới đầu giảng kinh, thầy đều dựa theo lời giảng của thầy Lý, phúc giảng, phúc tiểu tòa, đều xuất thân từ phương pháp ấy.

Tôi nhớ năm 1977, đến Hương Cảng giảng kinh Lăng Nghiêm lần thứ nhất, bản chú giải tôi dùng làm cơ sở là bản Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh, tham khảo bản Lăng Nghiêm Kinh Trực Giải của Tôn Trọng Hà. Trong thời gian giảng kinh, có một hôm gặp pháp sư Diễn Bồi, Ngài có không ít tín đồ tại Hương Cảng, thuê bao cả một xe du lịch, đi ngắm phong cảnh Hương Cảng, cũng kéo cả tôi cùng đi. Chúng tôi trò chuyện trên xe, nói tới chuyện giảng kinh, Ngài rất cảm khái nói: "Chúng ta đều xuất thân từ giảng tiểu tòa!" Ngài chỉ vào tôi bảo: "Tịnh Không! Ông cũng chẳng ra ngoài lệ đó. Ông cũng xuất thân từ giảng tiểu tòa!" Không sai chút nào! Những học sinh được huấn luyện từ Phật học viện chẳng thể lên giảng đài thuyết pháp, người thực sự có thể thăng tòa, giảng được, đều xuất thân từ giảng tiểu tòa.

Bởi thế, giảng tiểu tòa do tôn giả A Nan là người thứ nhất khởi đầu, kết tập kinh tạng là phúc giảng. Phương pháp này truyền mãi đến ngày nay. Nay tôi dạy học trò, dạy học viên thuộc Bồ Huấn Ban (lớp huấn luyện bồi dưỡng) ở Tân Gia Ba đều dùng biện pháp này. Hiện tại rất thuận tiện, ngày nay có băng thâu hình, có băng thâu âm, quý vị có thể nghe đi nghe lại không ngừng, chép thành bài giảng. Thời chúng tôi rất nhọc nhằn, hết sức khó khăn, chẳng có thứ gì hỗ trợ cả, phải dựa vào ký ức, phải dựa vào bút ký rất cực nhọc. A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp vị thứ mười trong mười sáu vị tôn giả:

La Hầu La.

羅睺羅。

Tôn giả La Hầu La (Rāhula) "*mật hạnh bậc nhất*", Ngài là nhà thực hành, là con của Thích Ca Mâu Ni Phật. Danh tự này là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Phú Chướng, tên nghe không hay, có chướng ngại! Ở phần trên, trong bài Hương Tán có niệm câu "*Tích nhật Da Thân miễn nạn tiêu tai chướng*" (Xưa bà Da Thân thoát nạn tiêu tai chướng), Da Thân Đà La là mẹ La Hầu La, Thích Ca Mâu Ni Phật là cha. Ngài mắc phải nạn gì? Mẹ Ngài mang thai sáu năm mới sanh ra Ngài. Người thông thường chỉ ở trong thai mười tháng, La Hầu La sáu năm. Do duyên cớ gì? Quả báo đấy! Đời

trước gây nhân chẳng lành, đời này phải chịu nỗi khổ thai ngục. So với người thông thường Ngài phải chịu khổ nhiều gấp bội, người ta thông thường mười tháng, Ngài phải chịu sáu năm, hơn bảy mươi tháng, dài gấp bảy lần mọi người. Vì nguyên nhân gì? Trong kinh luận nêu nhiều lẽ, trong Kinh Luật Di Tướng và Pháp Uyển Châu Lâm đều có ghi chép.

Theo một thuyết, cũng là theo kinh nói, trong đời quá khứ, ngài La Hầu La từng bị hang chuột, bị hang chuột sáu ngày, con chuột không chui ra khỏi hang được. Hành vi ác dữ cảm lấy quả báo như thế, ở trong bụng mẹ cũng chẳng ra được. [Ngài La Hầu La] lên chín tuổi, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên độ cho La Hầu La xuất gia, Phật môn bắt đầu có sa-di, La Hầu La là vị đầu tiên. Trẻ nít ham chơi, người khác thấy La Hầu La hằng ngày chơi đùa, Thích Ca Mâu Ni Phật biết trong chơi đùa có tu hành, *"mật hạnh bậc nhất"*. Ngài tu Giới - Định - Huệ chẳng để lộ ra bóng dáng, người khác không thấy. Trước kia, Chương Gia đại sư bảo tôi điều này: *"Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức"*. Tôi nghe Chương Gia đại sư nói như vậy là lần thứ nhất. Lần thứ hai, tại Tân Gia Ba gặp tổng thống Nạp Đan (Sellapan Rama Nathan), ông ta cũng nói như thế. Lúc ấy, tôi rất kinh ngạc, ông ta nói giống hệt như Chương Gia đại sư: Phật giáo trọng thực chất, chứ không trọng hình thức. Đúng là người tầm thường chẳng thể nói được như vậy. Vị thứ mười một là:

Kiều Phạm Ba Đề.

僑梵波提。

Là bậc *"được trời cúng dường bậc nhất"*, nay ta gọi Ngài là nhà tôn giáo. Ngài cũng là *"hiển thị nhân quả"*, làm gương cho chúng ta thấy. Kiều Phạm Ba Đề (Gavāmpati) là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Ngưu Ty (trâu nhơ). Miệng Ngài suốt ngày từ sáng đến tối nhóp nhép, giống như trâu đang nhơ, Ngài vương tập khí ấy. Rốt cuộc là vì nguyên nhân gì? Đức Phật đã giảng rất rõ: Trong đời quá khứ, tôn giả làm sa-di, trông thấy lão hòa thượng đang niệm kinh, tuổi đã già lùn, răng cỏ rụng mất nhiều, niệm chẳng rõ tiếng, chú sa-di ở bên cạnh chê cười: "Lão hòa thượng! Ông niệm kinh giống trâu nhơ quá!" Vị lão hòa thượng ấy lập tức kêu chú sa-di sám hối, bảo: "Ta đã chứng quả A La Hán, do khẩu nghiệp ấy, tương lai ngươi sẽ bị đọa địa ngục". Chú sa-di nghe xong hết sức hoảng sợ, kinh hoàng, lập tức sám hối. Dù sám hối, do dư báo, vẫn bị đọa vào súc sanh đạo, năm trăm đời làm thân trâu. Vì vậy, tập khí rất sâu.

Trước kia châm chích người khác, ngỡ là chẳng có chuyện gì, đâu biết là quả báo nghiêm trọng. Phật, Bồ Tát thị hiện cho chúng ta thấy, đó là quả

báo của ác khẩu, chẳng phải là vọng ngữ (nói dối), lường thiệt (nói đôi chiều), ỷ ngữ (nói thêu dệt). Quả báo của ác khẩu là như thế. Những nghiệp khác: vọng ngữ là lừa dối người, lường thiệt là khêu dậy thị phi, đáng tội rồi! Còn ở đây bất quá là gì? Ôm lòng làm khổ người khác, châm chích người khác, chẳng gây thương hại lớn cho lắm mà phải đọa làm thân trâu ngựa trăm đời!

Đời này tuy xuất gia học Phật, chứng đắc quả A La Hán, nhưng tập khí vẫn còn. Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Ngài hằng ngày phải khất thực trên cõi trời, vì sao? Để người khác khỏi trông thấy Ngài như thế, lại chê cười Ngài, lại mắc phải quả báo đó, chẳng phải là hại người ư? Làm thế nào đây? Lên trời, lên đó ứng cúng. Chư thiên có thần thông, biết Ngài là đại A La Hán, sẽ tôn kính Ngài, chẳng dám chê cười. Bởi thế, mỗi ngày Ngài lên trời khất thực, chẳng ở trong nhân gian, được trời cúng dường bậc nhất. Sau tên Ngài, tôi viết "*nhà tôn giáo*" vì Ngài chẳng phải là kẻ tầm thường. Vị thứ mười hai là:

Tân Đầu Lô Phả La Đọa.

寶頭盧頗羅墮。

Tôn giả Tân Đầu Lô Phả La Đọa (Pindola Bharadvaja), danh hiệu của Ngài dịch thành Bất Động. Ngài cũng có nhân duyên đặc biệt. Sau khi đức Phật nhập diệt, chúng ta biết rất nhiều vị đệ tử cũng trước sau nhập Niết Bàn; chỉ có vị tôn giả này tuân lời Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy, chẳng thể nhập Niết Bàn. Vì thế, vị tôn giả này vẫn còn hiện hữu trên thế gian. Phật giữ Ngài lại trong thế gian nhằm ý gì? Dạy Ngài làm phước điền cho chúng sanh thời Mạt Pháp, "*ứng mạng thế cúng, vì nhân thiên phước điền*" (nhận đời mạng cúng dường, làm ruộng phước cho trời người).

Vị tôn giả này sống lâu trong thế gian. Chúng ta muốn cúng dường Tam Bảo, cũng học đòi cổ nhân làm đại hội Vô Già một lần. Vô Già đại hội là thuật ngữ chuyên dụng trong Phật học, tức là bình đẳng cúng dường cho người xuất gia, hay "traị tăng". Nhà Phật thường nói Thiên Tăng Traị (cúng trai tăng một ngàn vị), ngày nay chúng ta mời một ngàn vị xuất gia đến ăn cơm, cúng dường cơm chay, vật cúng dường hoàn toàn bình đẳng, đó là Vô Già đại hội. Nhất định có thánh hiền tăng đến thọ cúng (nhận cúng dường), người cúng cơm có phước, thực sự gieo phước điền. Tôn giả Tân Đầu Lô thường đến ứng cúng, ở đâu có người tu phước, Ngài bèn đến ứng cúng. Ngài dùng thân biến hóa mà đến, quý vị nhìn không ra đâu, chẳng khác gì người xuất gia thông thường. Traị chủ cúng cơm trong tâm thành kính, thành kính là Cầm, tôn giả bèn Ứng, cảm ứng đạo giao. Nếu cúng Traị Tăng

chẳng có thành ý, Ngài chẳng đến, phải có thành ý! Tu phước, ta cúng Trai Tăng là vì cầu phước báo, cầu trí huệ, mong cầu chư Phật, Bồ Tát âm thầm gia trì. Vị thứ mười ba là:

Ca Lưu Đà Di.

迦留陀夷。

"*Giáo hóa bậc nhất*", nay ta gọi Ngài là nhà giáo dục. Ca Lưu Đà Di (Kaludayin) dịch là Hắc Quang. Ngài còn là sứ giả của Thích Ca Mâu Ni Phật, có trí huệ, có phương tiện thiện xảo, đầy đủ những điều kiện ấy mới có năng lực giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh quan trọng nhất là lấy thân mình làm gương, ngôn hạnh, oai nghi thảy đều có thể cảm hóa chúng sanh. Công tác quan trọng nhất của đệ tử nhà Phật là gì? Cũng có rất nhiều người đã từng nghe nói qua! Chính là lấy hoằng pháp làm gia vụ, sự việc lớn nhất trong nhà Phật là giáo hóa chúng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật làm gương cho chúng ta, giảng kinh hơn ba trăm hội, hoằng pháp bốn mươi chín năm, làm cho chúng ta thấy. Lúc nào mới ra giảng kinh? Trước hết phải tu đức hạnh, lại phải thành tựu học vấn. Cổ nhân Trung Quốc thường nói là "*phẩm học kiêm ưu*" (đạo đức lẫn học vấn đều cao), Phẩm (品) là đức hạnh, vừa có đạo đức vừa có học vấn thì mới có thể tự hành dạy người. Tôn giả nêu tấm gương tốt cho chúng ta. Tiếp đó là vị thứ mười bốn:

Ma Ha Kiếp Tân Na.

摩訶劫賣那。

Danh hiệu vị này dịch nghĩa sang tiếng Hán là Phòng Tú (sao Phòng)^{4[4]} hay Tinh Tú. Tôn giả Ma Ha Kiếp Tân Na (Mahākapphina) là bậc "*tri tinh tú đệ nhất*", nói như bây giờ Ngài là nhà thiên văn học, cũng là một loại khoa học gia.

Bạc Câu La.

^{4[4]} Sao Phòng (Phòng Tú, gọi đầy đủ là Phòng Nhật Thố) là một trong Nhị Thập Bát Tú. Nhị Thập Bát Tú không phải là 28 ngôi sao riêng lẻ mà là hai mươi tám chòm sao (tinh cung) theo Chiêm Tinh Học Trung Hoa. Người Hán chia bầu trời thành bốn khu vực, gọi là Thanh Long (phương Đông), Huyền Vũ (phương Bắc), Bạch Hổ (phương Tây), và Châu Tước (phương Nam). Trong mỗi khu, lại chia thành 7 tinh cung. Do vậy, có khái niệm Nhị Thập Bát Tú. Phòng Tú là tinh cung thứ tư trong bảy tinh cung thuộc phương Đông, được coi là "bụng rỗng" vì nằm chính giữa vị trí Thanh Long. Chòm sao này được gọi tên theo ngôi sao chính là sao Phòng (Phòng tinh). Phòng Tú Tinh Cung gồm bảy ngôi sao là Phòng, Câu Linh, Kiện Bế, Phạt, Đông Hàm, Tây Hàm, Nhật Tinh và Tùng Cung.

薄拘羅。

Tôn giả Bạc Câu La (Vakkula), Bạc Câu La dịch nghĩa sang tiếng Hán là Thiện Dung. Thiện Dung là tướng mạo đẹp đẽ, tướng mạo Ngài tốt đẹp phi thường, vẻ mặt khiến người thoạt trông thấy liền sanh tâm vui thích, "*thọ mạng đệ nhất*", nhân lành, quả lành. Trong kinh luận Đại Thừa, Tiểu Thừa Phật giáo thường dạy chúng ta: Sở cầu của hết thảy chúng sanh đều nhiều, nhưng quy nạp lại thì không ngoài ba loại lớn, thứ nhất là giàu có, thứ hai là thông minh trí huệ, thứ ba là mạnh khỏe sống lâu. Quý vị nghĩ xem có ai không mong cầu ba thứ này? Ba thứ này đều là quả báo. Quả ắt có nhân, nhân quả phải tương ứng. Ngạn ngữ thường nói: "*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*" (Trong nhà Phật, có cầu ắt ứng). Chúng ta hãy nghĩ xem trong nhà Phật, vì sao có cầu ắt ứng? Cầu chỗ khác không được, cầu trong nhà Phật bèn được. Vì sao? Phật biết nhân quả, nhân như thế nào, được quả như thế đó, đức Phật hiểu rõ.

Nói chung, nhân là tu Bồ Thái. Đức Phật dạy con người phước huệ song tu. Trong phước huệ song tu, đặt phước lên đầu. Nhà Phật thường nói: "*Tu Huệ bất tu Phước, La Hán thác không bát*" (Tu Huệ chẳng tu Phước, La Hán ôm bát rỗng). Anh tu Huệ, chứng đắc quả A La Hán, nhưng chẳng tu Phước, đi khắp thực chẳng được ai cúng dường, ngày ngày đói meo. Trái lại là "*tu Phước bất tu Huệ, đại tượng quải anh lạc*" (tu Phước chẳng tu Huệ, voi to đeo anh lạc). Phước báo rất lớn, nhưng chẳng có trí huệ, đời sau đọa trong đường súc sanh, đầu thai làm thân voi lớn. Con voi lớn ấy có phước báo, được vua nuôi. Quốc vương muốn ra ngoài, cưỡi con voi lớn đó, khắp thân voi phủ đầy anh lạc, châu báu, châu tủa ánh sáng chói lòa, có phước nhưng không trí huệ! Bởi thế, đức Phật dạy nếu ai phước huệ song tu thì quả báo của quý vị sẽ vừa có trí huệ vừa có phước báo. Nếu cả hai thứ đều chẳng tu, người ấy tất nhiên đời đời kiếp kiếp bần cùng, hạ tiện. Chúng ta phải tin tưởng lời Phật, lời Ngài trọng yếu hơn bất cứ gì khác.

Hiện nay rất nhiều trường đại học, viện nghiên cứu đang nghiên cứu, khám phá cách làm giàu. Chúng tôi trông thấy cảm khái vạn phần, quan sát cận kề coi họ dạy, họ học những gì? Toàn là đổ công sức nơi duyên, chẳng có nhân! Ví như quản lý công thương, mọi kỹ thuật cho đến các mối quan hệ, họ căn cứ theo số liệu thống kê. Trên thế giới có bao nhiêu đại tài chủ, họ khởi đầu từ đâu? Kinh doanh như thế nào? Làm sao kiếm được nhiều tiền như thế? Nghiên cứu những thứ đó, muốn học đòi, muốn bắt chước theo. Chuyên gia, giáo sư giảng rành rẽ từng điều, nhưng chúng ta đứng bên cạnh nghe ngóng, bản thân họ chẳng phát tài, thậm chí cuộc sống của họ còn khá khó khăn. Cả đời dạy trong trường đại học, lúc về hưu (dạy khá thì

được phong danh hiệu Giáo Sư), được các công ty mời mọc làm cố vấn, chẳng làm tài chủ! Anh hiểu được còn đường làm giàu như thế, sao anh không phát tài? Bởi thế, chúng ta đứng ngoài thấy rất rõ, những điều họ học, họ dạy toàn là duyên, chẳng có nhân gì cả!

Giống như thế nào? Giống như chúng ta canh tác, trồng trọt. Đối với kỹ thuật trồng trọt, có thể nói là họ nghiên cứu rất kỹ, phân tích đất đai, thành phần nước, phân bón, khí hậu, ánh nắng, không khí, với những điều ấy họ đều nghiên cứu rất kỹ lưỡng, khuyết điểm của họ là gì? Họ không có hạt giống. Là những chuyên gia, nhưng không có hạt giống thì không trồng được gì hết! Hạt giống là gì? Trong mạng của quý vị phải có của cải. Trong mạng của quý vị chẳng có của cải, dù kỹ thuật, phương pháp hay đến đâu đi nữa, cũng chẳng thể phát tài! Trong mạng thực sự có của, chẳng cần hiểu phương pháp gì, bất luận làm cách nào, tài nguyên vẫn cuồn cuộn đổ tới.

Sự thật ấy chỉ có đức Phật biết rõ, đức Phật nói rất minh bạch. Trong mạng của quý vị có tiền của, trong bói toán gọi trường hợp này là "tài khổ" (kho của cải), của cải ấy từ đâu mà có? Do bố thí mà có! Trong quá khứ, quý vị tu Tài Bồ Thí rất nhiều, nên "tài khổ" trong mạng quý vị phong phú, rất lớn. Bất luận làm nghề gì cũng đều phát tài. Trong quá khứ tiếc của, chẳng chịu bố thí, trong đời này kho đụn trống rỗng, học nghề khéo gì vẫn chẳng thể phát tài. Tồi đa là học xong khóa học, tốt nghiệp rồi bèn vào công ty giúp người ta kiếm tiền, làm nhân viên cho người ta, chính mình chẳng phải là ông chủ!

Thông minh trí huệ do bố thí pháp, khỏe mạnh sống lâu do bố thí vô úy. Tôn giả Bạc Câu La thọ mạng bậc nhất, chúng ta thấy như vậy, biết là trong quá khứ, tôn giả đời đời kiếp kiếp bố thí vô úy rất nhiều. Ngài là thiện nhân, đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn, trông thấy hết thảy chúng sanh mắc phải tai nạn, Ngài vui vẻ ra tay giúp đỡ, do vậy, được quả báo trường thọ. Vị cuối cùng là:

A Nậu Lôu Đà.

阿耨樓駄。

Danh hiệu này dịch thành Vô Bần, đây cũng là hiển thị nhân quả. A Nậu Lôu Đà (Aniruddha) cũng là trong đời kiếp quá khứ lâu xa về trước, từng bố thí cúng dường một vị Bích Chi Phật. Bích Chi Phật đi khất thực, Ngài cung kính cúng dường. Ngài được phước báo dài nhiều kiếp (chẳng thể tính số năm, phải dùng số kiếp để tính). Bao kiếp chẳng chịu quả báo bần cùng. Duyên phận tốt đẹp, gặp Bích Chi Phật, tự mình có thể cung kính cúng

dường, được phước báo ấy. Ngài cũng là em họ của Thích Ca Mâu Ni Phật, lúc nghe kinh pháp thường ngủ gật, tinh thần chẳng tỉnh táo, bị Thích Ca Mâu Ni Phật quở trách. Đức Phật mắng Ngài giống như loài ốc, loài nghêu, ngủ một giấc là ngủ cả ngàn năm, chẳng nghe được danh hiệu Phật.

Ngài A Nậu Lâu Đà rất buồn bực, sau khi bị Phật quở, thật dũng mãnh, tinh tấn, suốt bảy ngày bảy đêm không ngủ, bị mù mắt vì dụng công quá độ. Thích Ca Mâu Ni Phật thương xót, dạy Ngài tu một pháp môn, Ngài tu thành công. Tu thành công rồi, mở được Thiên Nhãn, trong Tăng đoàn được xưng là "*bán đầu thiên nhãn*". Ngài nhìn chẳng cần tròn mắt, nửa đầu đều là mắt, đều thấy được, thấy phía trên, thấy khắp bốn phía, thấy cả đằng sau, "*bán đầu thiên nhãn*" đấy! Trong các vị A La Hán, Ngài là bậc "*thiên nhãn đệ nhất, phước đức khôn học*" (thiên nhãn bậc nhất, phước đức, nhọc nhằn học hành).

Trong kinh Phật dạy chúng ta, Thiên Nhãn của Tiểu Thừa A La Hán thấy được một tiểu thiên thể giới, thông thường, mọi A La Hán có thể thấy được một tiểu thiên thể giới. Tiểu thiên thể giới bao lớn? Nếu nói như cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chúng ta biết một thể giới là một Ngân Hà Hệ (Milky Way, Galaxy). A La Hán thấy được một ngàn Ngân Hà Hệ chẳng cần dùng đến máy móc. Tất cả hết thảy tinh cầu trong một ngàn Ngân Hà Hệ đó, muôn hình muôn sắc, Ngài đều thấy rõ ràng, rành mạch; nhưng thiên nhãn do ngài A Nậu Lâu Đà tu thành có năng lực thù thắng, thấy được một đại thiên thể giới, tức là một tam thiên đại thiên thể giới. Thế giới Sa Bà này của đức Thích Ca Mâu Ni Phật đối với Ngài cũng chẳng có vấn đề, toàn thể thế giới Sa Bà, trên đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, dưới đến A Tỳ địa ngục, Ngài đều thấy rất rõ, đều hiểu rõ, "*thiên nhãn đệ nhất*" mà!

Sau đó, chúng ta tổng kết phần nói về những vị ấy, từ ngữ "*thử đẳng đại chúng*" (các đại chúng này) chỉ tất cả những vị thường tùy của đức Thế Tôn, gồm một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, "*bốn thị Pháp Thân đại sĩ*" (vốn là Pháp Thân đại sĩ). Trong phần trên chúng tôi đã nói, những vị ấy là "*đại A La Hán, chúng sở tri thức*" (đại A La Hán, được mọi người hay biết). Đại A La Hán là tôn hiệu của Pháp Vân Địa Bồ Tát, chẳng phải là danh hiệu của người tầm thường. Thất Địa Bồ Tát, Bát Địa Bồ Tát, Cửu Địa Bồ Tát đều chẳng thể xưng [là Đại A La Hán]. Pháp Vân Địa Bồ Tát là Pháp Thân đại sĩ! Huống hồ trong số đó, lại có không ít vị là cổ Phật tái lai, "*tác thị Thanh Văn*" (thị hiện làm Thanh Văn), họ đến nơi này để thị hiện, chẳng thực sự là Tiểu Thừa A La Hán, Thanh Văn là Tiểu Thừa!

Giống như diễn tuồng trên sân khấu, Ngài được phân công diễn vai Tiểu Thừa A La Hán, chứ trên thực tế đã sớm thành Phật. Nay trên sân khấu đóng vai Tiểu Thừa A La Hán, hoặc là quốc vương, đại thần, hoặc là trưởng giả, cư sĩ; thế gian này là một sân khấu lớn. Diễn xuất nhằm mục đích

"*chứng thử bất tư nghị pháp*", tức là chứng minh [pháp chẳng thể nghĩ bàn này] cho đại chúng! Trong câu "*thử bất tư nghị pháp*", chữ "*thử*" chỉ kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà thực sự là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, chỉ dạy hết thảy chúng sanh đối nghiệp vãng sanh, thân cận Phật Di Đà, viên thành Phật đạo trong một đời, chẳng cần đợi đến kiếp sau, một đời bèn viên mãn, mà cũng chẳng cần phải nói ba đại A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng kiếp gì cả, không cần đến! Một đời thành tựu, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới vô lượng thọ.

Đến thế giới Cực Lạc thành Phật, thành một vị Phật viên mãn rất ráo, chẳng cần phải mất một thời gian rất dài. Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho biết: Vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chứng đắc quả Phật viên mãn cũng chỉ mất mười hai kiếp thôi! Quý vị hãy nghĩ nhé! So với ba A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng A-tăng-kỳ kiếp thì mười hai kiếp chẳng phải là quá ngắn hay sao? Mà đó là gì vậy? Vãng sanh Hạ Hạ Phẩm đấy nhé! Nếu Thượng Thượng Phẩm vãng sanh trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, vừa về đó bèn "*hoa khai kiến Phật, ngộ Vô Sanh*", lập tức thành tựu, trở thành Vô Sanh Nhẫn Bồ Tát. Vô Sanh Nhẫn Bồ Tát là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa, thực sự chứng đắc! Trước khi chứng đắc thì sao? Khi chưa chứng đắc thì thọ dụng, thần thông, đạo lực của quý vị cũng chẳng kém Thất Địa, Bát Địa Bồ Tát cho mấy. Khi đức Phật giới thiệu cùng chúng ta bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật đã nói: "*Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát*". A Duy Việt Trí Bồ Tát là Thất Địa Bồ Tát, từ Thất Địa trở lên; bởi thế, pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn! Các vị ấy đến chứng minh cho Thích Ca Mâu Ni Phật, những gì Phật dạy họ đều thị hiện, đều biến thành sự thật.

"*Tùng Phật chuyển luân, quảng lợi nhân thiên*" (theo đức Phật chuyển pháp luân, lợi ích rộng khắp trời người). "*Chuyển luân*" là giáo hóa chúng sanh, giúp đức Phật thực hiện công tác giáo dục trong xã hội đa nguyên văn hóa. "*Quảng lợi*" là lợi ích rộng lớn, bố thí, cúng dường đại chúng trời người. Chúng ta tu bố thí, cúng dường thì chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát cũng tu bố thí cúng dường tại đây. Phước trí như biển trợn khắp pháp giới, hư không giới. Trong kinh nói "*quảng lợi nhân thiên*", tức là đem pháp môn Trì Danh Niệm Phật này giới thiệu cùng đại chúng trời người. Người thiện căn chín muồi sẽ thành tựu trong một đời này. Họ hiểu rõ, họ giác ngộ, buông xuống vạn duyên, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật.

"*Kim văn Tịnh Độ nhiếp thọ công đức*" (nay nghe công đức nhiếp thọ của Tịnh Độ), nghĩa là đối với bộ kinh này, "*tín thọ phụng hành, thật nãi dĩ thân tác tắc, khuyến ngô nhân thâm tín mạc nghi dã*" (tin nhận phụng hành, thực sự lấy bản thân làm gương, khuyến chúng ta tin tưởng sâu xa, đừng nghi ngờ). Ở đây, mười sáu vị tôn giả khuyên dạy chúng ta, vì đại

chúng thực nghiệm. Chớ cậy mình rất thông minh, ta chẳng cần phải học pháp môn này, ta có thể học pháp môn khác cao sâu hơn pháp môn này. Quý vị có thông minh, trí huệ bằng ngài Xá Lợi Phất hay không? Thần thông, năng lực có sánh bằng ngài Mục Kiền Liên hay không? Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đều chắc thật niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quý vị hãy suy nghĩ kỹ đi!

Nếu quý vị nói tôi không có thiện căn, tôi tội nghiệp sâu nặng, tôi chẳng có năng lực, hãy xem ngài Châu Lợi Bàn Đà Già, so với Ngài thì sao? Ta thấy ngài Châu Lợi Bàn Đà Già đâu được như mình, thế mà ngài Châu Lợi Bàn Đà Già niệm A Di Đà Phật bèn thành công; sao quý vị chẳng thể tu được? Mười sáu vị tôn giả, ai nấy đều có sở trường, giáo hóa các căn tánh bất đồng trong thế gian này, nêu gương mẫu rất khéo cho mọi người. Chỉ cần quý vị tin được, tiếp nhận được, y giáo phụng hành, chẳng có ai không thành công! Pháp môn này gọi là "*vạn người tu, vạn người đến*", chẳng sót một ai hết!

Hiện tại, vì sao niệm Phật chẳng dễ dàng như vậy? Giống như thầy Lý thường hay nói: "*Một vạn người niệm Phật, thực sự vãng sanh cũng chẳng qua hai ba người mà thôi!*" Do nguyên nhân nào? Hai ba người đó tin nhận phụng hành, còn những người niệm Phật kia, hơn chín ngàn chín trăm chín mươi bảy người kia, chẳng chịu tin nhận phụng hành! Họ chỉ niệm Phật "miệng có, tâm không", không buông xuống phiền não tập khí thế gian, đối với danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thế gian vẫn tham ái, vẫn lưu luyến, vậy thì không có cách chi hết! Trong Phật pháp thường nói "*Phật chẳng thể độ kẻ vô duyên*", bọn họ là người vô duyên, vậy thì không có cách chi hết! Thực sự tin tưởng, thực sự tiếp nhận, thực sự phụng hành, buông xuống vạn duyên, buông thân tâm thế giới xuống, nhất tâm nhất ý chuyên cầu Tịnh Độ, chẳng một ai không được vãng sanh! A! Nay đã hết giờ rồi!

Tập 08

6.2.1.6.4. Giảng rõ về Bồ Tát chúng

Chư vị đồng học!

Xin xem Hệ Niệm Pháp Sự, phần Bồ Tát chúng trong Tự Phần của A Di Đà Kinh:

Tinh chư Bồ Tát Ma Ha Tát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dữ như thị đẳng chư đại Bồ Tát.

并諸菩薩摩訶薩。文殊師利法王子。阿逸多菩薩。乾陀訶提菩薩。常精進菩薩。

與如是等諸大菩薩。

(Và các vị Bồ Tát Ma Ha Tát: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, và các vị đại Bồ Tát như thế).

6.2.1.6.4.1. Quảng thích Bồ Tát chúng

Đoạn này là Bồ Tát chúng. Trong phần trên đã giới thiệu chúng Thanh Văn gồm mười sáu vị đại A La Hán, chủ yếu là tượng trưng cho Tín. Bồ Tát chúng chỉ nêu bốn vị: Văn Thù và Di Lặc là khuyên nên nguyện, Càn Đà Ha Đề và Thường Tinh Tấn là khuyên nên hành, cùng với mười sáu vị tôn giả ở phần trên là khuyên nên tin. “Tín, Hạnh, Nguyện” là ba điều kiện trọng yếu nhất của việc niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ba điều kiện ấy thiếu một chẳng được, nhất định phải có đủ. Bởi thế, toàn bộ kinh, bất luận Tự Phần, Chánh Tông Phần hay Lưu Thông Phần, chúng ta đều thấy khuyên tin, khuyên nguyện, khuyên hành. Tuy kinh văn không dài, nhưng kết cấu chương pháp, hệ thống tư tưởng hết sức tinh vi, thâm mật, viên mãn, trọn đủ, chúng ta phải tích cực học tập kinh này.

Bồ Tát tiếng Phạn là Bồ Đề Tát Đỏa (Boddhisattva), người Trung Quốc thích nói gọn, chữ Bồ Đề tỉnh lược âm cuối, chữ Tát Đỏa cũng tỉnh lược âm cuối, nên ta gọi Bồ Đề Tát Đỏa là Bồ Tát. Ma Ha Tát (Mahasattva) là Đại Bồ Tát, Ma Ha là Đại, vị Bồ Tát lớn trong chúng Bồ Tát. Chữ Đại Bồ Tát thường chỉ bậc Bồ Tát địa thượng, tức mười một địa vị từ Sơ Địa cho đến Đẳng Giác được gọi là Đại Bồ Tát, hay gọi là Ma Ha Tát. Trước đó, có ba mươi địa vị, nếu thêm Tín Vị vào thành ra bốn mươi địa vị, tức Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng; bốn mươi địa vị này đều xưng là Bồ Tát. Bồ Tát Ma Ha Tát bao gồm các địa vị từ Sơ Tín cho đến Đẳng Giác Bồ Tát.

Tiếng Phạn Bồ Đề Tát Đỏa, lúc dịch sang tiếng Hán thì thời cổ dịch là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh. Ngẫu Ích đại sư khi chú giải vẫn theo lối cổ dịch nên viết “đại đạo tâm thành tựu hữu tình”. Bồ Tát vẫn là hữu tình, chẳng giống như Phật, Phật hoàn toàn biến tình thành trí huệ. Trước kia, lúc tôi mới học Phật, tôi còn nhớ đã từng thỉnh giáo Chương Gia đại sư: “Bồ Tát khác với Phật như thế nào?” Chương Gia đại sư dạy tôi một tỷ dụ: Lúc đó, trong khách sảnh có treo một cái đồng hồ, vẫn phải lên dây thiều, chưa dùng điện, vẫn phải vặn dây thiều. Chúng ta đều biết – đây là kiến thức thông thường – dây thiều là một sợi dây thép cuộn lại, có tính đàn hồi, cuộn chặt nó lại, nó sẽ dần dần bung ra, sức bung ấy sẽ thúc đẩy đồng hồ chạy. Lúc nó bung ra hết, nó vẫn cuộn lại, chẳng hoàn toàn thẳng đơ. Chương Gia

đại sư dùng chuyện đó làm tỷ dụ, Bồ Tát như sợi dây thiều, dù đã bung ra hết, nhưng vẫn còn một chút cuộn lại, chẳng phải là bằng phẳng hết. Dây thiều của Phật đã tháo bung ra hết, thẳng đơ rồi, Ngài đem tỷ dụ ấy nói với tôi, ngụ ý: Bồ Tát chưa một trăm phần trăm biến tình thành trí huệ.

Ví như Đăng Giác Bồ Tát, chín mươi chín phần là Trí, vẫn còn một phần là Tình. Nhìn đâu cũng dường như đã bình rồi, nhưng nhìn kỹ vẫn còn một chút Tình, chẳng như Như Lai đã một trăm phần trăm chuyển Thức thành Trí. Bởi thế, Trí và Tình là cùng một chuyện, chẳng phải hai; lúc giác thì gọi là Trí, lúc mê thì gọi là Tình. Tình là mê tình, Trí là giác trí. Đăng Giác Bồ Tát còn một phẩm sanh tướng vô minh tối hậu còn chưa phá, đó vẫn là Tình. Phải phá sạch một phẩm vô minh ấy thì trí huệ mới rốt ráo viên mãn.

Bởi thế, chữ Bồ Tát được dịch là "*đại đạo tâm thành tựu hữu tình*". Sau này, ngài Huyền Trang chẳng dùng chữ "*đại đạo tâm*" để dịch, Ngài dịch là Giác Hữu Tình. Nếu gộp cả hai lối tân dịch và cựu dịch lại để hiểu, ý nghĩa càng sáng tỏ. Thế nào là đại đạo tâm? Giác ngộ là đại đạo tâm. Giác tâm là đại đạo tâm, giác chứ không mê. Huyền Trang đại sư dịch Bồ Đề Tát Đỏa thành "*chúng sanh hữu tình giác ngộ*", thời cổ dịch là "*đại đạo tâm thành tựu hữu tình*", hợp hai cách nói này lại, chúng ta càng hiểu rõ ý nghĩa.

Bồ Tát địa vị càng cao, trí huệ càng lớn, tình chấp càng ít. Phàm phu hoàn toàn bất giác. Phàm phu có giác ngộ, thông minh, có trí huệ, thì trong Phật pháp gọi cái giác ấy là "*Tương Tự Giác*", tức chẳng phải Chân Giác, chẳng phải là Chánh Giác. Tiêu chuẩn của Chánh Giác là gì? Đoạn sạch Kiến Tư phiền não thì mới gọi là Chánh Giác, bởi thế, đối với lục đạo phàm phu chưa đoạn Kiến Tư phiền não, nếu dùng kinh Kim Cang để nói, dùng tiêu chuẩn đó để nói thì lục đạo chúng sanh có "*ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng*". Chỉ cần có đủ bốn tướng ấy thì chưa giác. Dù rất thông minh, rất có trí huệ, trong nhà Phật chỉ gọi là Tương Tự Giác, chẳng phải là Chánh Giác, chỉ hơi giống thôi.

Chánh Giác nếu phá được bốn tướng, phá Tứ Kiến rồi, tâm địa người ấy chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, không có ngã tướng, không có nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng, thì mới gọi là Bồ Tát. Vì sao chẳng thể gọi lục đạo chúng sanh là Chánh Giác? Chỉ vì lục đạo chúng sanh có Ngã, có Ngã tức là có tư niệm, [tức là] có lòng mong lợi ích riêng tư. Nói cách khác, khởi tâm động niệm có vấn đề, nghĩ đến "lợi ích của riêng mình", chỉ bận lòng đến lợi ích của chính mình, chẳng đoái hoài lợi ích của người khác; bởi thế, khởi tâm động niệm đều là "tổn người, lợi mình".

Nói thật ra, người tốt hay kẻ xấu đều chỉ là mức độ khác biệt. Người tốt là ý niệm và hành vi "tổn người, lợi mình" nhẹ một chút, ít một chút; kẻ bất thiện thì ý niệm "tổn người, lợi mình" rất nặng, gây thành nhiều việc!

Sai khác ở chỗ này! Chẳng giống như Bồ Tát, Bồ Tát hoàn toàn chẳng tự tư tự lợi; Ngài vào trong thế gian này để làm gì? Vào trong thế gian này để độ chúng sanh. Thế nào là độ chúng sanh? Giúp cho hết thảy chúng sanh giác ngộ. Giúp hết thảy chúng sanh giác ngộ mà nếu còn có chút tự tư tự lợi, làm sao giúp chúng sanh giác ngộ cho được? Phải hiểu đạo lý ấy! Thế gian và xuất thế gian khác biệt ở chỗ này, một niệm khác biệt vậy.

Thế nào là xuất thế gian? [Những người] vô tư, vô ngã, vì hết thảy chúng sanh phục vụ, chẳng cần biết anh mang thân phận gì, già, trẻ, nam, nữ, nghề nghiệp ra sao, đều là Bồ Tát. Nếu vẫn còn có một ý niệm tự tư tự lợi, vẫn có một niệm vị kỷ, dù quý vị có ở trong chùa miếu, có sống trong núi thẳm, sống trong một ngôi chùa quý báu (bảo sát), quý vị vẫn là thế gian, chẳng phải xuất thế gian. Chúng ta phải hiểu đạo lý này! So với Thanh Văn ở trên, Bồ Tát cao hơn nhiều lắm! Thanh Văn là "tướng" xuất thế gian, "tâm" chẳng thấy xuất thế gian. Quý vị thấy rất nhiều người xuất gia (cổ nhân thường gọi là "*cổ tròn tay thụng*"). Nay dùng chữ "*cổ tròn tay thụng*" để chỉ người xuất gia), "*thân xuất, chứ tâm không xuất*". Trong tâm vẫn là nhân ngã thị phi, vẫn là tham - sân - si - mạn, niệm niệm quan tâm lợi ích của chính mình, "tâm" chẳng hề xuất! Thân tợ hồ là người xuất gia, nhưng tâm chẳng xuất.

Quá nửa Bồ Tát thị hiện tại gia, đây là "*tâm xuất, thân chẳng xuất*", cao hơn Thanh Văn nhiều! Thấy họ là hạng tại gia, có vợ con, họ có công ăn việc làm, cuộc sống chẳng khác gì người thế gian cả. Họ không có ngã tướng, không có nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng, họ chẳng tự tư tự lợi. Họ buôn bán, họ là thương nhân, họ là thương nhân Bồ Tát. Họ là công nhân, họ là công nhân Bồ Tát. Nếu họ làm công chức, làm quan, làm quan lớn thì họ là tế quan Bồ Tát. Bất luận làm nghề gì, đều là Bồ Tát hết!

Bởi thế, quý vị thấy ở Trung Quốc tạo tượng Bồ Tát, nổi tiếng nhất là bốn vị Bồ Tát ở bốn đại danh sơn. Quý vị xem kỹ tượng bốn vị Bồ Tát, chỉ có Địa Tạng Vương Bồ Tát thị hiện tướng xuất gia, Quán Âm Bồ Tát là tướng tại gia, Văn Thù Bồ Tát cũng là tướng tại gia, Phổ Hiền Bồ Tát cũng là tướng tại gia luôn. Ấn Độ tạo tượng Bồ Tát Di Lặc cũng là tướng tại gia. Người Trung Quốc tạo tượng Di Lặc Bồ Tát theo hình dạng của hòa thượng Bồ Đại, là tướng xuất gia. Vì sao tạo tượng hòa thượng Bồ Đại? Hòa thượng Bồ Đại là người thời Nam Tống, cùng một thời đại với Nhạc Phi. Ngài xuất hiện trong vùng Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang, là một người xuất gia, chẳng ai biết tên Ngài là gì. Mỗi ngày, Ngài quảy một cái túi vải lớn, người khác cúng dường đều bỏ vào trong túi. Bởi thế, mọi người gọi Ngài là Bồ Đại hòa thượng, bèn thành tên hòa thượng Bồ Đại. Nhắc đến hòa thượng Bồ Đại ai nấy đều biết.

Hằng ngày du hóa bên ngoài, có ai hỏi về Phật pháp, Ngài cười hì hì, buông cái túi xuống đất, bỏ thõng hai tay. Quý vị hỏi Ngài thế nào là Phật pháp? Ngài làm như vậy cho quý vị thấy: "*Buông xuống!*" Phật pháp là buông xuống. Buông xuống rồi làm sao? Quảy túi vãi lên, khoác trên vai bỏ đi. Ngài dạy quý vị điều gì? Trước hết, Phật pháp dạy quý vị buông xuống, buông xuống hết thảy, buông xuống xong rồi bèn giúp đỡ hết thảy chúng sanh, quý vị phải khởi lên ý niệm đó. Bởi thế mới nói buông xuống được, đưa lên được, đó là Bồ Tát. Một câu chẳng nói, ý nghĩa rất sâu, mọi vấn đề của quý vị đều được giải quyết hết!

Lúc Ngài vắng sanh, Ngài chẳng sanh bệnh, nói đi là đi; bảo với mọi người ta là Di Lặc Bồ Tát phát tâm tái lai, nói xong là đi. Ngài chẳng dối người. Lúc lâm chung, đem bản lai diện mục của chính mình nói ra; bởi thế, sau này, người Hoa hể tạo tượng Di Lặc Bồ Tát bèn tạo giống hình tượng hòa thượng Bồ Đại, duyên do là như vậy. Các địa phương, quốc gia khác trên toàn thế giới chẳng tạo tượng Di Lặc Bồ Tát giống như vậy. Tại Ung Hòa Cung^{5[5]} ở Bắc Kinh có thờ một tượng Di Lặc Bồ Tát rất cao. Lúc chúng tôi đến tham quan, [tăng sĩ ở Ung Hòa Cung kể] tượng Di Lặc Bồ Tát ấy đem từ Ấn Độ qua, tạc bằng cả một cây gỗ rất to lớn, đại khái cao chừng sáu bảy tầng lầu. Lúc chúng tôi ngắm tượng, vị phương trượng (họ gọi là Lạt-ma) bảo tôi tượng này chìm dưới đất tám thước nữa.

Bất luận Bồ Tát thị hiện tại gia hay xuất gia, nếu chú tâm quán sát, nhất định thấy rõ Ngài học Định lẫn Huệ đều bình đẳng, vận dụng cả Bi lẫn Trí, tự lợi, lợi tha. Tự lợi chính là lợi tha, chính mình thời thời khắc khắc, nơi nơi chốn chốn nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội, đó là "*đến trong thế gian này giáo hóa chúng sanh*". Bất luận dưới thân phận nào, đều theo đuổi công tác giáo dục, giáo dục xã hội, nay chúng ta gọi là giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa.

6.2.1.6.4.2. Nêu tên các vị thượng thủ trong Bồ Tát chúng

"*Văn Thù Sư Lợi*" (Mañjuśrī) gọi là Pháp Vương Tử, vì Phật là Pháp Vương, Bồ Tát kế thừa sự nghiệp của Như Lai, hoằng pháp lợi sanh, bởi thế gọi là Pháp Vương Tử. Văn Thù Sư Lợi là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán thì trong Bát Thập Hoa Nghiêm dịch là Diệu Đức, hoặc Diệu Cát Tường. Ở Trung Quốc, Ngũ Đài Sơn là đạo tràng của Văn Thù Bồ Tát; trong các vị

^{5[5]} Ung Hòa Cung chính là một ngôi chùa theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng rất lớn tại Bắc Kinh. Đây chính là vương phủ cũ của hoàng tử Dấn Chân, tức hoàng thứ tư của vua Khang Hy. Dấn Chân được phong tước Ung Hòa thân vương nên vương phủ được gọi là Ung Hòa vương phủ. Khi Dấn Chân trở thành vua Ung Chánh đã biến nơi này thành hành cung, rồi ban cho Hoạt Phật Chương Gia Hồ Đồ Khắc Đồ cư ngụ. Ung Hòa Cung chính thức trở thành chùa Tây Tạng vào năm Càn Long thứ 9 (1744).

Bồ Tát, Ngài biểu thị trí huệ đệ nhất, giống như Xá Lợi Phất đại diện cho trí huệ đệ nhất trong các vị Thanh Văn. Trong kinh, danh hiệu các vị Thượng Thủ nhằm biểu thị pháp, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này! [Xá Lợi Phất và Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát] biểu thị bộ kinh này, pháp môn này và phương pháp lý luận tu học này là trí huệ đệ nhất. Trong chúng Thanh Văn lẫn chúng Bồ Tát đều kể tên bậc trí huệ đệ nhất ngay đầu tiên, dụng ý rất sâu sa.

Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng: "*Phi dưỡng mãnh thật trí, bất năng chứng giải Tịnh Độ pháp môn*" (Chẳng phải là trí huệ dưỡng mãnh, chân thật, chẳng thể chứng hiểu pháp môn Tịnh Độ). Câu nói này rất hay, chẳng phải là trí huệ dưỡng mãnh, chân thật, sẽ chẳng thể thực sự chứng nhập, hiểu rõ pháp môn này; vì thế, phải lấy Văn Thù Bồ Tát để chứng minh. Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy chính bản thân ngài Văn Thù Bồ Tát phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nhằm hiển thị [pháp môn này] thực sự chẳng thể nghĩ bàn. Trong cuốn Nghiên Tập Báo Cáo, [chúng tôi đã nhận định] Văn Thù "*tượng trưng cho Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*", pháp môn trong kinh A Di Đà này, tức là pháp môn Tịnh Độ chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Vị thứ hai là A Dật Đa Bồ Tát, "*A Dật Đa*" (Ajita) là Di Lặc Bồ Tát. Có người nói Di Lặc (Maitreya) là họ của Bồ Tát, A Dật Đa là tên. Cũng có người nói A Dật Đa là họ, Di Lặc là tên. Thật ra cái nào là tên, cái nào là họ không quan trọng, chúng ta chẳng cần phải phân biệt chấp trước. Ở Trung Quốc, chúng ta quen gọi Ngài là Di Lặc Bồ Tát; đương thời ở Ấn Độ thường gọi là A Dật Đa, gọi Ngài bằng danh hiệu ấy. A Dật Đa là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Vô Năng Thắng, ý nói Ngài từ bi không ai hơn được. Lòng từ bi của Ngài là từ bi chân thành, là từ bi thanh tịnh, là từ bi bình đẳng. Tâm từ bi quả thật trọn khắp pháp giới hư không giới; bởi thế, tại Trung Quốc Ngài còn được gọi là Từ Thị Bồ Tát, từ bi bậc nhất.

Đối với hình tượng Bồ Đại hòa thượng, cổ đức có mấy câu tán thán như sau: "*Sanh bình đẳng tâm, thành hỷ duyệt tướng*". Hai câu này rất hay, hai câu này dạy chúng ta: Đối với hết thảy chúng sanh, chúng ta phải sanh tâm bình đẳng, đối với hết thảy chúng sanh phải hoan hỷ, "*hỷ duyệt tướng*" nay gọi là tâm yêu thương, vui thích. Trong Đại Thừa Phật pháp thường nói từ bi, từ bi là hỷ ái; nhưng sự hỷ ái ấy chẳng phải là cảm tình. Vì thế, Phật pháp chẳng dùng chữ "*hỷ ái*" mà dùng chữ "*từ bi*", sợ người đời thấy danh từ "*hỷ ái*" bèn hiểu lầm.

Lòng hỷ ái ấy chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, là trí huệ. Nhà Phật gọi lòng hỷ ái ấy là Từ Bi. Do đây biết rằng: Người thế gian hỷ ái chẳng chân thành toàn vẹn, chẳng đủ thanh tịnh, bình đẳng, trí huệ, chẳng có đủ những điều ấy. Bởi thế, lòng hỷ ái của họ chẳng vĩnh hằng, thường bị biến

chuyển. Đối với hết thảy chúng sanh, Phật, Bồ Tát hỷ ái vĩnh hằng bất biến, nếu quý vị hỏi vì sao ư? Vì các Ngài không tự tư, không tự lợi, không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lòng hỷ ái ấy xuất phát từ tự tánh, tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, trí huệ. Nói cách khác, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác được biến thành hiện thực. Nếu không có từ bi, làm sao gọi là "chân thành, thanh tịnh, bình đẳng giác" cho được? Đều trở thành danh từ trừu tượng hết! Từ "*sanh bình đẳng tâm, thành hỷ duyệt tướng*" trở thành hiện thực, phải hiểu điều này, phải nhận rõ điều này!

Ở đây, Bồ Tát thể hiện ý nghĩa rất sâu, ngài Di Lặc "*tượng trưng cho Nhất Sanh Bồ Xứ*", điều này rất trọng yếu. Di Lặc Bồ Tát là vị Phật thứ năm trong thế giới Sa Bà của chúng ta, hiện tại Ngài là vị Phật hậu bổ của Thích Ca Mâu Ni Phật, trụ trong Đâu Suất nội viện. Trong những buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc tới chuyện thành Phật; đầy đủ những điều kiện nào thì mới thành Phật? Tri túc! Người tri túc bèn thành Phật. Bởi thế, Bồ Xứ Bồ Tát cũng chẳng ở nơi nào khác, Ngài nhất định phải trụ tại Đâu Suất. Đâu Suất (Tushita) là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là "*Tri Túc*". Đâu Suất thiên là Tri Túc thiên. Có tri túc mới có thể thành Phật; không tri túc, chẳng thể thành Phật! Người tri túc chẳng mong cầu, người không tri túc bèn tham cầu. Quý vị thấy Di Lặc Bồ Tát tượng trưng cho ý nghĩa này rất khéo! Ở đây, Di Lặc Bồ Tát tượng trưng cho pháp gì? Tượng trưng cho pháp môn này, người tu học pháp môn này giống như Bồ Xứ Bồ Tát, tuyệt quá! Thực sự là pháp khó tin, nhưng sự thật đúng như thế đó. Bởi lẽ, quý vị tu pháp môn này, một đời thành Phật, đó chẳng gọi là Bồ Xứ, thì gọi là gì đây?

Nay Di Lặc Bồ Tát đang ở trên trời Đâu Suất, tương lai sẽ hạ sanh trong thế gian này, thị hiện thành Phật. Chúng ta tu học pháp môn này vẫn sanh thế giới Cực Lạc, theo học với A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc, cũng là một đời viên mãn thành Phật, chẳng cần đợi đến đời thứ hai. Bởi thế, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy cho chúng ta biết Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong thế giới ấy, "*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*" (các thượng thiện nhân cùng họp một chỗ), "*thượng thiện*" là Đẳng Giác Bồ Tát. Phàm những ai vẫn sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ta đều có thể gọi họ là Đẳng Giác Bồ Tát. Trong tương lai, người ấy đến đâu để thành Phật? Chẳng phải ở thế giới Cực Lạc, mà là ở các nơi trong khắp pháp giới, hư không giới, chỗ nào có duyên bèn đến đó thành Phật. Vì thế, tổ sư đại đức thường chỉ dạy chúng ta hãy rộng kết pháp duyên, rất trọng yếu! Pháp duyên của quý vị thù thắng thì trong tương lai nơi để quý vị thành Phật sẽ rất nhiều! Vì sao? Kinh luận thường nói: "*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*", quý

vị muốn độ người hữu duyên thì quý vị phải rộng kết pháp duyên đối với hết thảy chúng sanh, không kết duyên chẳng được.

Dưới đây, lại mở ngoặc: "*Trung Quốc tạo tượng, biểu bình đẳng hỷ duyệt - Cực Lạc chi ý*" (Trung Quốc tạo tượng nhằm thể hiện sự bình đẳng, vui sướng, thể hiện ý nghĩa Cực Lạc). Tôi vừa mới thưa cùng quý vị, cổ đức tán thán tượng ngài Di Lặc là "*sanh bình đẳng tâm, thành hỷ duyệt tướng*", thành tựu tướng hỷ duyệt. Người tu Tịnh Độ chúng ta phải giống như Di Lặc Bồ Tát, bất luận ở đâu, bất luận gặp ai, đều chấp tay cười hì hì: "A Di Đà Phật". Người tu Tịnh Độ ấy chẳng cần phải phân biệt người khác nói năng lành hay chẳng lành, đều chẳng ăn nhằm gì hết! Họ nói lời lành, ta A Di Đà Phật; họ nói lời chẳng lành, ta cũng A Di Đà Phật. Hết thảy thị phi, thiện ác đến chỗ ta thảy đều hóa thành A Di Đà Phật, đại từ đại bi!

Hết thảy pháp thế gian, xuất thế gian đều quy vào A Di Đà Phật, vạn pháp quy nhất, nhất quy Tịnh Độ. Nhà Thiền hỏi: "*Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ?*" (Vạn pháp quy nhất, cái nhất đó quy về đâu?) Chúng ta có câu trả lời: "*Vạn pháp quy nhất, nhất quy Tịnh Độ*". Cái quy nhất ấy là quy vào một câu danh hiệu, danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn; chúng ta chấp trì danh hiệu, quy tâm Tịnh Độ.

Bởi thế, hai vị Bồ Tát này khuyên nên nguyện, khuyên chúng ta hãy phát nguyện, nhất định phải khẳng định, nhận biết pháp môn này là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Pháp môn này "*sanh bình đẳng tâm, thành hỷ duyệt tướng*", là pháp môn Nhất Sanh Bồ Xứ, quý vị còn cầu ở đâu nữa? Bởi lẽ, [những ai] vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát! A Duy Việt Trí là chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái! Chứng ba thứ Bất Thoái là chứng đắc của Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, tuy họ chứng được, nhưng chưa viên mãn. Chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái là hạng Bồ Tát nào? Tổ sư đại đức bảo: Từ Thất Địa trở lên, chẳng phải là hạng Bồ Tát bình thường, mà là Vô Sanh Nhẫn Bồ Tát, gọi là A Duy Việt Trí. Trong A Duy Việt Trí, cũng chia thành ba phẩm thượng, trung, hạ. Hạ phẩm là Thất Địa, trung phẩm là Bát Địa, thượng phẩm là Cửu Địa; trên nữa là Như Lai quả địa. Quý vị thấy pháp môn này thù thắng như vậy đó, chẳng cần phải trải qua nhiều A-tăng-kỳ kiếp, hay ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chẳng cần! Một đời thành tựu, chẳng cần phải trải qua năm mươi một địa vị, không cần! Pháp môn này là pháp môn viên đốn, là pháp môn hy hữu khôn sánh!

Vị Bồ Tát thứ ba là Càn Đà Ha Đề. Càn Đà Ha Đề (Gandahastin) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa Trung Quốc là Bất Hưu Tức (chẳng ngơi nghỉ), dũng mãnh tinh tấn.

Vị Bồ Tát thứ tư là Thường Tinh Tấn. Quý vị thấy "Bất Hưu Tức, Thường Tinh Tấn", hai vị Bồ Tát này tượng trưng cho hạnh môn, khuyên hãy nên hành. "*Như Thiện Tài chi tham học, nhất sanh tu chứng Tịch Quang Tịnh*

Độ” (như Thiện Tài đi tham học, trong một đời tu chứng Tịch Quang Tịnh Độ). Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, thị hiện cho chúng ta thấy [Ngài tu học] chẳng ngơi nghỉ, luôn tinh tấn. Thiện Tài nêu gương ấy cho ta thấy, một đời viên mãn thành tựu.

Bốn vị Bồ Tát này, Ngẫu Ích đại sư bảo ngài Văn Thù là cổ Phật tái lai, ai nấy đều biết điều này. Trong quá khứ, Ngài là thầy của bảy đức Phật. Nói cách khác, bảy người học trò của Ngài nay đã đều thành Phật, Ngài là thầy của bảy vị Phật. Nay Ngài đến đây vì chúng ta chứng minh: Pháp môn này trí huệ đệ nhất, thù thắng khôn sánh, Ngài có tư cách để chứng minh điều ấy cho chúng ta.

Di Lặc Bồ Tát là Đẳng Giác hậu bổ Phật; Bất Hư Túc, Thường Tinh Tấn đều là các Bồ Tát thuộc địa vị cao, địa vị cao tức là Pháp Vân Địa hoặc Đẳng Giác, vì chúng ta thị hiện, khuyên lơn, chỉ bảo chúng ta: Pháp môn này chẳng dễ gì gặp được! Bài Khai Kinh Kệ có câu: “*Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*” (Trăm ngàn vạn ức khó gặp gỡ). Đầu đời Thanh, cư sĩ Bành Tế Thanh viết: “*Vô lượng kiếp lai, hy hữu nan phùng chi nhất nhật*” (Ngày gặp được pháp môn Tịnh Độ là ngày hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay). Nay chúng ta gặp được, trong ngàn vạn kiếp hy hữu khó gặp, mà chúng ta gặp được; người ta thường nói quý vị rất hên! Gặp được rồi thì sao? Phải tin tưởng, phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, phải dũng mãnh, tinh tấn, chẳng thể phụ bạc một đời này, phải khéo niệm Phật! Phải biến việc này thành việc quan trọng bậc nhất trong cuộc đời này, làm sao thực hiện cho tốt? Phải nhớ lời Ấn Quang đại sư.

Ấn Quang đại sư xuất hiện trong thời cận đại, rất nhiều đồng học biết Ngài là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Trong thời đại hiện tại, đạo tràng như thế nào sẽ thích hợp nhất để tu hành, tu tập, bảo đảm quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Ngài dạy chúng ta nguyên tắc: Đạo tràng có quy mô nhỏ, người cùng tu chẳng quá hai mươi người. Đạo tràng nhỏ, ít người, dễ duy trì cuộc sống, chẳng cần hóa duyên, chẳng phải làm pháp hội, chẳng phải làm Phật sự siêu độ, cũng chẳng truyền giới, cũng chẳng giảng kinh, công khóa mỗi ngày đều giống như Phật thất, Phật thất suốt năm. Phật thất là bảy ngày, ở đây chúng tôi đề xướng mười Phật thất, tức là bảy mươi ngày, còn “thường niên Phật thất” tức là suốt cả năm đều giống như công khóa lúc đã Phật thất. Buông xuống vạn duyên, nhất tâm cầu Tịnh Độ.

Đồng tham đạo hữu như thế chẳng dễ cầu. Đạo tràng của chúng ta chẳng thể hoàn toàn tuân theo chỉ thị của Ấn Quang đại sư, vì ở đây chúng ta thêm một buổi giảng kinh. Vì sao phải giảng kinh? Nếu chẳng hiểu rõ đạo lý Tịnh tông, chẳng nhận rõ cảnh giới, thường bị ngã lòng. Nghe kinh nhiều, hiểu rõ đạo lý, giúp quý vị buông xuống, giúp quý vị đoạn nghi sanh tín, tín nguyện kiên định, đảm bảo quý vị một đời thành tựu, đạo lý là đây. Mọi

chuyện khác chúng tôi đều không làm, đạo tràng này là giảng kinh, niệm Phật, tâm vĩnh viễn định. Bây giờ hết giờ rồi!

*

6.2.1.6.5. Quảng thích ngoại hộ chúng

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem đoạn thứ ba của phần Thông Tự.

Cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu.

及釋提桓因等。無量諸天大眾俱。

(Và Thích Đề Hoàn Nhân v.v... Vô lượng chư thiên đại chúng cùng nhóm họp).

"Thích Đề Hoàn Nhân" (Śakro Devānām Indrah) là tiếng Phạn, có nghĩa là Năng Vi Chủ. Trí huệ, đức hạnh của ông ta đều trọn đủ để lãnh đạo chúng sanh, tên ông ta có nghĩa như vậy. Ông ta là chúa trời Đạo Lợi (Trayastrimśa), ta gọi là Đạo Lợi thiên vương. Vị được dân gian Trung Quốc gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế chính là ông ta.

"Đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu": "Đẳng" (等) là vân vân, phía dưới ông ta có Tứ Vương Thiên (Cātummahārājika), phía trên là các trời Dạ Ma (Yāma), Đâu Suất (Tushita), Hóa Lạc (Nirmānarati), Tha Hóa Tự Tại (Parinirmita-vaśavartin), lên trên nữa lại có Sắc Giới (Rūpadhātu), Vô Sắc Giới (Ārūpyadhātu) "vô lượng chư thiên", lấy ông ta làm đại diện. Chư thiên nhiều như thế, vì sao lại chỉ lấy ông ta làm đại biểu. Điều này cũng có đạo lý. Thứ nhất là ông ta cách loài người chúng ta không xa lắm. Nếu nói những tầng trời cao hơn, như Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, trong thế gian này rất nhiều người không biết, họ cách xa chúng ta quá, chẳng hiểu được! Mọi người đều biết Đạo Lợi thiên chúa, đều rất ngưỡng mộ Đạo Lợi thiên chúa. Mức độ nổi danh của Đạo Lợi thiên chúa rất cao, duyên rất thù thắng. Bởi thế, lấy ông ta làm đại biểu, đó là một ý nghĩa.

Thứ hai, ông ta là hộ pháp rất đặc lực của đức Thế Tôn. Đương nhiên, chư thiên đều là hộ pháp, Phật pháp cũng chẳng trái nghịch tình cảm của con người, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức; người thế gian đều tôn kính Đạo Lợi thiên chúa, đều phụng thờ Ngọc Hoàng thượng đế, cho nên Thích Ca

Mâu Ni Phật hằng thuận chúng sanh, lấy Để Thích làm đại biểu. "*Biểu nhất thiết tôn giáo chi sĩ ưng tu*" (Biểu thị hết thảy những người thuộc hết thảy tôn giáo đều nên tu). Ở đây, Để Thích biểu thị pháp: Mục tiêu giáo học của tất cả hết thảy tôn giáo là Thiên Đường; nay Thích Để Hoàn Nhân cũng tham dự pháp hội này, tiếp nhận lời Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Quý vị muốn đến Thiên Đường, nhưng Thiên Chúa của quý vị nay đang niệm Phật, quý vị cũng phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Vì thế, năm xưa khi tôi mới học Phật, trong số bạn bè có không ít tín đồ Cơ Đốc, chúng tôi đều là bạn bè rất thân. Sau khi tôi học Phật, tôi khuyên họ nỗ lực chiếu theo kinh điển Cơ Đốc để tu học cho tốt; tôi chẳng khuyên họ học Phật. Do vậy, có rất nhiều người ngạc nhiên: "Sao ông lại dạy như vậy?" Tôi nói: "Đạo Lợi thiên chúa thường lễ thỉnh Phật, Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp trên thiên cung. Hiện thời, người kia chẳng có duyên với Phật, tôi có khuyên ông ta cũng chẳng tin. Khi ông ta sanh lên trời rồi, ông ta thấy Thiên Chúa và rất nhiều thiên chúng nghe kinh nghe pháp!" Đi đường vòng như thế chẳng hề gì, vẫn là cùng một chuyện mà! Do vậy, tôi chẳng khuyên những người đó học Phật, làm như vậy không hay, không hợp lý. Khi khuyên họ học Phật là [khuyên họ] phản giáo, điều ấy có ảnh hưởng không tốt đối với xã hội. Khuyên họ tích cực tu học, thực sự sanh lên Thiên Đường, Phật cũng đang giảng kinh thuyết pháp trên thiên đường!

Nếu chúng ta thực sự vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong thiên cung có rất nhiều bằng hữu, chúng ta có thể tùy thời đến tụ hội với họ. Họ chẳng tự tại, chúng ta tự tại. Giống như trong thế gian hiện tại này, có rất nhiều người ra ngoại quốc chẳng dễ dàng, có kẻ không có hộ chiếu (passport), có kẻ có hộ chiếu nhưng không được chấp thuận. Chúng tôi có rất nhiều hộ chiếu, xin phép rất thuận tiện, đến đâu cũng được; ai không đến đây gặp tôi được, tôi bèn đến đó gặp họ. Chúng ta về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chư thiên đến thế giới Cực Lạc chẳng dễ dàng, nhưng người của thế giới Cực Lạc đến bất cứ tầng trời nào đều rất thuận lợi. Chúng ta có thể thường chiếu cố kẻ ấy, thường xuyên gặp họ, hàn huyên chuyện cũ, thật là sung sướng.

Thứ ba là "*đại chúng, biểu nhất thiết chúng sanh dục ly khổ, đắc cứu cánh lạc giả, ưng đương tu*" (đại chúng: biểu thị hết thảy chúng sanh muốn lìa khổ để đạt được sự vui rốt ráo thì phải nên tu). Phạm vi của "đại chúng" rất rộng, chẳng những là hết thảy loài người, mà trong ấy còn gồm cả loài súc sanh, loài ngạ quỷ, loài địa ngục, thảy đều gộp cả trong ấy, hết thảy chúng sanh trong lục đạo. Nếu quý vị thực sự muốn lìa khổ, đạt được sự vui rốt ráo, trừ pháp môn này ra, các pháp môn khác chẳng thể thành công dễ dàng. Pháp môn này thực sự giúp quý vị một đời thành tựu. Bởi thế, đoạn

kinh văn này là "*phàm chúng khuyến tu*" (khuyên các phàm phu nên tu), hoằng hộ (hoằng truyền, gìn giữ), "*hoằng hộ thử kinh, sứng Phật bốn hoai*" (hoằng truyền, gìn giữ kinh này, thỏa thích bản hoai của Phật).

Việc hoằng hộ này bất luận người tại gia hay xuất gia ai nấy đều nên làm. Sao gọi là Hoằng? Tự mình y giáo tu hành là Hoằng, tôi làm như vậy cho anh coi, bởi thế, Hoằng và Hộ không thể tách rời nhau. Thiên chức của bọn đệ tử Phật chúng ta là hoằng hộ chánh pháp, trong thời kỳ Mạt Pháp bèn hoằng hộ pháp môn Tịnh Độ. Đây là thiên chức của chúng ta. Nói đến "hoằng hộ" lại khiến tôi liên tưởng đến người Trung Quốc, thiên chức của quý vị phải là hoằng hộ truyền thống đạo đức, văn hóa của dân tộc; đó là thiên chức của quý vị.

Quý vị là người quốc gia nào, là người thuộc dân tộc nào, hoặc tín ngưỡng một tôn giáo nào đó, thiên chức của quý vị là phải thực hiện sứ mạng hoằng hộ dân tộc, quốc gia, tôn giáo đó. Nếu quý vị chẳng thể làm trọn sứ mạng hoằng hộ, thì truyền thống đạo đức, văn hóa sẽ bị suy vong! Suy đến cùng cực bèn diệt vong! Sao quý vị chẳng có lỗi với tổ tông? Sao chẳng mắc lỗi với những người đời trước? Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm khẳng định pháp nào cũng bình đẳng, không có cao, thấp. Văn hóa của mỗi quốc gia đều hay, truyền thống của mỗi một dân tộc đều hay, mỗi một tôn giáo đều hay, đều cần có người hoằng dương rực rỡ, rộng lớn.

Hiện tại, ở Trung Quốc rất bất hạnh, phát sanh cơn bệnh dịch SARS, rốt cuộc là Trung Y giỏi hay Tây Y giỏi? Lời ông Đặng Tiểu Bình nói rất có lý: "*Chẳng cần biết là mèo trắng hay mèo đen, mèo nào bắt được chuột là mèo giỏi*". Dùng câu đó để nói, chẳng cần biết Trung Y hay Tây Y, thứ y học nào chữa lành bệnh nhân thì nền y học đó giỏi. Sao lại tranh cãi lôi thôi trong lúc này? Tranh cãi lôi thôi sẽ hỏng chuyện, bao nhiêu người chết oan uổng! Đối với những người chết oan uổng ấy, quý vị không phải gánh trách nhiệm nhân quả ư? Đối với thế gian, quý vị chẳng chịu trách nhiệm pháp luật, nhưng quý vị chịu trách nhiệm nhân quả. Quý vị có cảm thấy lương tâm cắn rứt hay không? Nếu quý vị không có lương tâm, đương nhiên chẳng cảm thấy lương tâm cắn rứt, không có lương tâm mà! Nhưng quý vị chẳng thoát khỏi nhân quả báo ứng đâu nhé!

Lúc này chớ nên tranh chấp, cứu người khẩn yếu hơn! Cứu một mạng người hơn tạo phù-đồ (tháp) bảy tầng, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn. Nếu quý vị không cẩn thận, lơ đãng, hại một mạng người, tương lai phải đền mạng. Người Trung Quốc tin tưởng nhân quả, tin vào luân hồi báo ứng. Nay người Tây phương cũng dần dần giác ngộ, có không ít người rất tích cực nghiên cứu sự việc này.

Nếu như bây giờ nói hết thầy đều lấy khoa học làm căn cứ, chẳng hợp khoa học bèn chẳng tin, khoa học đến nay có được bao nhiêu năm lịch sử?

Tính cho cùng thì không quá ba trăm năm, ba trăm năm trước đó người ta sống ra sao? Chưa có khoa học họ sống làm sao? Ba trăm năm trước kia có ôn dịch, chẳng phải là không có ôn dịch, trong lịch sử Trung Quốc có ghi chép. Y dược, phương pháp cứu người thời đó đều chẳng có căn cứ khoa học!

Chúng tôi hoàn toàn chẳng phản đối khoa học, chúng tôi tôn trọng khoa học; nhưng vẫn còn có rất nhiều điều mà khoa học hiện tại không thấu suốt, chưa phát hiện được. Y dược Trung Quốc được phát minh rất sớm, tối thiểu có lịch sử năm ngàn năm, chỉ riêng năm ngàn năm kinh nghiệm đã chẳng thể coi thường. Khoa học có thể lật đổ nó hay chẳng? Nếu như khoa học tiêu diệt, hủy sạch mọi thứ vốn sẵn có như những thứ truyền thống ưu tú nhất của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, khoa học vạn năng, thì kết quả tối hậu của khoa học là gì? Nhà khoa học sẽ tự nói “thế giới đến ngày tàn!”

Người Trung Quốc đáng thương! Vô cùng đáng thương! Trước kia, tôi cùng tiên sinh Hồ Thu Vân trò chuyện, hết sức cảm khái. Từ cuối đời nhà Thanh trở đi, người Trung Quốc chôn vùi lòng tự tin dân tộc, Trung Quốc có tai nạn vì đâu? Là vì lý do đó. Hiện tại, ôn dịch gây chết người, rất nhiều người bị chết. Nguyên nhân vì đâu? Chẳng tin vào y dược Trung Quốc; vì nguyên nhân nào? Chôn vùi lòng tự tin dân tộc, chẳng tin tưởng vào bất cứ thứ gì do tổ tông truyền lại. Nếu nói theo nhân quả, họ đáng phải nhận lãnh kết quả ấy. Đó là đại bất hiếu! Tổ tông nào chẳng yêu thương con cháu, truyền lại những thứ tốt nhất cho đời sau, quý vị không tin tưởng thì không còn cách nào hết! Quý vị cứ muốn vứt sạch, cứ muốn tiêu diệt đi, tội ấy nặng lắm!

Bởi vậy, nói đến rốt ráo là vấn đề giáo dục của Trung Quốc. Trong thiên Học Ký [của sách Lễ Ký] có hai câu rất hay: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, đều lấy giáo dục làm đầu). Giáo dục triết học Trung Quốc, quan niệm giáo dục từ thời Hán Vũ Đế⁶ chế định chính sách giáo dục cho đến đời Mãn Thanh chẳng thay đổi. Trước kia, chúng tôi học lịch sử, đối với việc này chúng tôi cảm thấy rất lạ lùng. Mỗi một triều đại đều có những chuyện hưng khởi, thay đổi, cố sao giáo dục

6[6] Hán Vũ Đế (156-87 trước Công Nguyên) là hoàng đế thứ bảy của nhà Hán, tên là Lưu Triệt, tên tự là Thông, là con trai thứ 10 của Hán Cảnh Đế (Lưu Khải), được phong làm Thái Tử từ lúc mới lên bảy, làm vua lúc 16 tuổi, được coi là một minh quân có công đặt nền móng vững vàng cho kỷ cương, điển chế, pháp luật, hệ thống quan chức, thuế má và giáo dục hoàn chỉnh cho Trung Hoa. Ông ta theo chủ trương pháp trị, chú trọng phát triển nông thương, cũng như đồ nhiều công sức khai thác quặng sắt, nấu muối v.v... Nghe theo kiến nghị của Đồng Trọng Thư, ông đã độc tôn Nho Giáo, bãi bỏ bách gia chư tử. Tuy vậy, ông ta có nhược điểm thiếu khoan dung, quá khắc nghiệt, khiến cho nhiều người phải chịu hình phạt oan uổng như sử gia Tư Mã Thiên chẳng hạn. Tư Mã Thiên chỉ vì khuyên vua đừng phạt tội chém cả gia đình Lý Lăng khi ông này bại trận dưới tay quân Hung Nô, Hán Vũ Đế cho là Tư Mã Thiên cấu kết với Lý Lăng bèn phạt Tư Mã Thiên phải chịu tội “cung hình” (thiến).

vẫn chẳng biến động? Người Mông Cổ vào làm chủ Trung Quốc chẳng biến cải, người Mãn Thanh vào làm chủ Trung Quốc cũng không thay đổi. Chúng ta chú ý xem kỹ, cổ thánh tiên hiền Trung Quốc, đặc biệt là Nho gia, trong bách gia chư tử, Hán Vũ Đế chọn giáo học Nho gia làm giáo dục truyền thống của quốc gia. Nho giáo dạy chúng ta điều gì? Châu phu tử, tức Châu Hy đời Tống lập ra trường học tư, bản yết thị ở thư viện hang Bạch Lộc là cương lĩnh, tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc giảng dạy của Nho gia, đơn giản dễ hiểu. Giáo dục Trung Quốc mấy ngàn năm chẳng lìa khỏi chuẩn mực sau đây:

a) "*Phụ tử hữu thân*" (cha con thương yêu nhau). Điều ấy có sai lầm chẳng? Nay chẳng còn nữa, cha chẳng tử, con chẳng hiếu. Trước kia tiếp nhận giáo dục Nho gia, cha tử, con hiếu, gia đình hòa thuận, yên vui.

b) "*Quân thần hữu nghĩa*" (vua tôi có nghĩa), nay vua hoài nghi bầy tôi, bầy tôi chẳng trung với vua. "Vua" là người lãnh đạo một đoàn thể, "bầy tôi" là người được lãnh đạo, bằng mặt không bằng lòng, tốt gì đâu?

c) "*Phu thê hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín*" (Chồng vợ có nhiệm vụ sai khác trong gia đình và xã hội, lớn nhỏ có tôn ty trật tự, bạn bè giữ chữ Tín), nguyên tắc ấy có gì không tốt?

Đây là năm điều dạy người ở Trung Quốc từ cổ đến nay, có thể nói là bắt nguồn thời Nghiêu - Thuấn! Bắt nguồn từ thời Nghiêu - Thuấn thì trong lịch sử Trung Quốc, phỏng chừng hơn bốn ngàn năm trước, giáo dục Trung Quốc dạy như vậy đó. Dạy chúng ta phương pháp tư duy thông thường: "*Bác học, thẩm vấn, thận tư, minh biện, đốc hành*" (Học rộng, hỏi kỹ, suy nghĩ cẩn thận, làm sáng tỏ, dốc sức thực hành). Phương pháp này có thích hợp cho hiện tại hay không? Xử sự, đãi người, tiếp vật, cương lĩnh đều rất đơn giản, "*ngôn trung tín, hành đốc kính*" (lời lẽ trung tín, việc làm dốc hết lòng thành kính), quý vị nghĩ có tốt hay không? Ngôn ngữ phải chân thành, người hiện tại hay bịp người. Toàn là nói dối, nói đâm thọc, ác khẩu, nói thêu dệt. Đại khái, [người hiện thời cho rằng] giáo học Trung Quốc từ cổ đến nay chẳng phù hợp khoa học, hiếu - đễ - trung - tín chẳng phù hợp khoa học, người với người tôn trọng nhau, kính yêu nhau chẳng hợp khoa học! Khoa học hoàn toàn chống trái những điều đó thì thế giới này sẽ biến thành thế giới gì? "*Xử sự, chánh kỳ nghĩa, bất mưu kỳ lợi*" (Xử sự, phải đúng với đạo nghĩa, chẳng mưu cầu lợi lộc), điều này chắc chắn chẳng hợp khoa học; khoa học nói lợi - hại, Nho gia nói đạo nghĩa, cốt sao hợp đạo nghĩa, chẳng cần biết đến lợi - hại.

Bởi thế, cổ thánh tiên hiền có thể bỏ mình vì người, đối đãi người "*kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*" (điều gì mình không muốn, chớ làm cho người khác). Giáo huấn như vậy có sai lầm hay chẳng? Phải nên làm gì? Đúng là khoa học dạy chúng ta phải cạnh tranh, đấu tranh, chiến tranh, vĩnh viễn

tranh đấu, đấu tranh suốt đời, đến chết vẫn tranh giành chẳng thôi, sống trong đau khổ. Giáo dục của Nho, Phật, thánh hiền dạy ta sống trong hoan lạc, sống trong an ninh; nhưng bây giờ nói đến an ninh chẳng có ai hiểu được, vì sao? Từ trước đến giờ, họ chưa từng sống an ninh, từ trước đến giờ, họ chưa biết thế nào là niềm vui thiên luân^{7[7]}, chưa hề có, chưa hề thấy qua, chưa hề nghe đến. Họ toàn thấy, nghe tranh giành, đấu tranh, chiến tranh, vĩnh viễn phải chiến thắng hết thảy, không chiến thắng là thất bại, biết làm sao được!

Bởi thế, nay chúng ta nói đến hộ pháp, quả thật chẳng phải dễ! Trong thời đại này, giáo huấn của thánh hiền, truyền thống đạo đức văn hóa của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc đều bị băng hoại toàn bộ. Do vậy, rất nhiều tiên đoán từ xưa của Tây phương, trong Thánh Kinh cũng có nói, ngay cả Cổ Lan Kinh (Koran^{8[8]}) cũng nói đến ngày tận thế. Kinh Cổ Lan lại còn dạy tín đồ phải tin vào một vị Chúa thật (chân chúa), phải tin vào ngày tận thế.

Trong thời đại này, chúng ta phải hướng về đâu? Quý vị phải thực sự giác ngộ, phải nhớ kỹ những giáo huấn của Ấn Quang đại sư, Ngài chỉ cho chúng ta một sanh lộ: Đạo tràng quy mô nhỏ, ít người cùng tu, chẳng phan duyên, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Nếu có cơ duyên bèn dạy mấy tên học trò, truyền lại đạo của thánh hiền. Không cần nhiều học trò, có được một người là được rồi, có thể truyền được rồi. Quý vị hãy nghĩ lúc Thiền tông vừa truyền đến Trung Quốc, Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc, truyền cho một mình Huệ Khả. Sau đó Đạo Tín, Tăng Xán đều là đời đời đơn truyền, đến Lục Tổ Huệ Năng đại sư, duyên chín muồi, phước báo của chúng sanh hiện tiền, bởi thế, Thiền Tông mới hưng vượng mạnh mẽ. Chỉ cần ngọn lửa đèn ấy chẳng tắt, chỉ cần một tia ánh sáng, duy trì giếng mỗi đạo chẳng để nó suy đoạ, sau này nhất định có ngày phát dương quang đại. Đây là chuyện chúng ta phải làm trong hiện tại.

Nhưng trong công tác ấy, tự mình nhất định phải hiểu có chủ và khách. Chủ là gì? Chủ là tự cầu sanh Tịnh Độ. Truyền đạo, truyền pháp phải dựa theo duyên phận! Chẳng có duyên phận thì quý vị có muốn làm cũng chẳng thành công. Phải có duyên phận, chúng sanh có phước báo, được oai thần của chư Phật gia trì, tự mình thành tâm thành ý, chẳng có chút lòng riêng tư nào, đấy chẳng phải là chuyện dễ dàng! Nhưng bất luận như thế nào, trước hết phải thành tựu chính mình, đấy là điều kiện tiên quyết bậc nhất.

7[7] Thiên luân là những mối quan hệ luân thường chánh đáng chẳng hạn cha con, anh em, vua tôi v.v... Niềm vui thiên luân là niềm vui sống giữ đúng luân thường, mọi người thương yêu, kính trọng lẫn nhau.

8[8] Koran (còn viết là Qur'an, Quran, Kuran, Koran, Qur'ân, Coran, al-Qur'ân) là thánh kinh của đạo Hồi bằng tiếng Ả Rập. Hồi Giáo tin đây là những lời mặc khải của Thượng Đế (Allah) truyền cho giáo tổ đạo Hồi là Đại Tiên Tri Muhammad trong vòng 22 năm (610-632) qua sự truyền rao của thiên sứ Jibril (Gabriel). Những lời giảng này được biên tập thành thánh kinh Koran ngay khi Muhammad còn sống.

Trong thời kỳ Mạt Pháp, chương duyên rất nhiều, bởi thế, đạo tràng nhỏ ít người, chương ngại bèn ít. Đạo tràng của chúng ta, sau khi dựng xong giảng đường, tôi bảo mọi người: "Làm đến đây là thôi!" Chúng tôi hy vọng làm được điều Ấn Quang đại sư giáo huấn, chúng tôi y giáo phụng hành. Mười người, hai mươi người hằng ngày chắc thật niệm Phật, học kinh giáo, giải hạnh tương ứng. Chúng ta có Học Hội ở Bồ Lý Tư Bản (Brisbane), Học Hội chúng ta cũng phải làm gương, tuân thủ lời pháp sư Ấn Quang giáo huấn, mong rằng chúng thường trụ chẳng quá hai mươi người. Chúng ta có thể tổ chức Phật thất, giúp đỡ những người ngoài đạo tràng chân chánh phát tâm đến tu học. Vẫn chiếu theo phương pháp trước kia, một năm tổ chức bốn lần hoạt động là Phật thất. Hoạt động Phật thất của chúng ta kể cả người trong nhà không quá bốn mươi tám người, bốn mươi tám người ứng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, gồm cả người trong nhà. Nếu trong nhà có hai mươi người, chúng ta chỉ tiếp nhận hai mươi tám người bên ngoài. Nếu trong nhà có ba mươi người, chúng ta chỉ có thể tiếp nhận mười tám người ngoài, nỗ lực tu tập!

Trong studio, chúng ta không ngừng mời mọc những vị thầy giỏi dạy cho chúng ta một vài lớp. Những lớp ấy chúng ta không bắt buộc phải học, vì sao? Sau khi chúng ta thu hình bèn phát lên mạng Internet, lưu thông trên đài truyền hình vệ tinh, thực hiện hoạt động giáo dục xã hội. Đó là chúng ta hoằng hộ chánh pháp, hoằng hộ mỗi đạo của Nho, Phật, thánh hiền giáo huấn, chúng ta làm công tác ấy, hy vọng cái tâm mình sẽ nhờ đó mà định, sẽ có thành tựu thực sự. Chúng tôi dùng cách đó để báo ân Phật, báo ân cha mẹ, báo ân tổ tông, báo ân hết thầy chúng sanh, phải thực hiện bằng hành động, phải đạt được thành tích mới được, chứ chẳng phải là miệng nói xuông. Miệng nói xuông là giả, nào phải là thật. Bởi thế, hôm nay trông thấy hai chữ Hoằng Hộ, tôi vô cùng cảm xúc sâu xa!

Trong đoạn cuối cùng này, có một điều "*vô vấn tự thuyết*" (không ai hỏi tự nói). "*Từ mẫn thâm thiết, cấp độ chúng cố, nghĩa lý huyền bí nan tín, vô nhân khả thỉnh*" (lòng từ mẫn sâu đậm, thiết tha, vì gấp độ chúng sanh, nghĩa lý u huyền, kín mật, không có người khả thỉnh). Bộ kinh này không ai hỏi, tự đức Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra. Tình hình này không nhiều, đức Thế Tôn giảng kinh hơn quá nửa là vì có người nêu câu hỏi, ở đây đức Phật tự nói. Nói thật ra, pháp môn này không có ai có khả năng để hỏi cả. Đức Phật thấy trong đại chúng khi ấy có rất nhiều người căn cơ chín muồi, chín muồi là có thể tin được, có thể tiếp nhận được, họ sẽ được lợi ích. Trong pháp Đại Thừa thường nói: "*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*".

Như trong cơn dịch SARS lần này, có rất nhiều vị thầy lang rất giỏi, tâm rất từ bi, muốn giúp đỡ, nhưng người ta không tin, ấy là vô duyên. Trông thấy người bệnh chết, mà không có cách gì cứu được. Hữu duyên là gì? Tin

tưởng, bằng lòng hợp tác với mình, để cho mình cứu. Tôi nghe nói ở Bắc Kinh có ông đạo diễn họ Tạ, tên là Tạ Phi, bị mắc bệnh SARS. Thầy lang họ Lưu ở Bắc Kinh bốc thuốc cho ông Tạ, hết mười tám đồng nhân dân tệ^{9[9]}, ông Tạ lành bệnh, được xuất viện. Đưa vào bệnh viện cũng là lúc gặp hồi nguy ngập, chữa theo Tây y phải gắn ống này nọ, rất phiền phức. Chuyện được tiến hành cũng là nhờ một bạn đồng hành của ông ta, cũng là một Phật giáo đồ, tức là cư sĩ Lăng Tư, van nài bệnh viện, xin bệnh viện cho ông Tạ thử dùng thuốc Bắc trong thời gian ba ngày. Hay quá! Vị thầy lang trong bệnh viện đó thật đại từ đại bi đáp ứng. Ông Tạ bèn uống thuốc Bắc, ba ngày sau kiểm tra lại, đã khỏe, đã bình thường, bèn cho về, chỉ tốn mười tám đồng nhân dân tệ mà thôi!

Chuyện đó nhà Phật gọi là hữu duyên, Phật độ người hữu duyên. Nếu quý vị chẳng tin tưởng, chẳng hợp tác, không có cách gì hết! Đối với hết thảy chúng sanh, đức Phật cũng giống như thế. Sở dĩ, Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy học trò Ngài trong thế gian này có người tin tưởng được, có người hiểu được, có người hành được, chẳng đợi người khác hỏi, bèn tự mình nói ra! *"Lòng từ mẫn sâu đậm, thiết tha, gấp độ chúng sanh"*. Pháp môn này dạy quý vị thành Phật trong một đời, khó tin nhất. Chẳng những người bình thường không tin, Tiểu Thừa Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát rất nhiều vị chẳng tin tưởng pháp môn này. Vậy thì cũng tốt thôi! Quý vị cứ từ từ đi theo con đường dài xa, quý vị mất vô lượng kiếp, ba đại A-tăng-kỳ kiếp, cứ đi thông thả! Pháp môn này một đời viên mãn, hữu hiệu phi thường, phương pháp đơn giản, dễ dàng, *"nghĩa lý u huyền, kín mật, khó tin"*, đạo lý, lý luận rất sâu, rất huyền! Nếu chờ Phật đem những sự việc này giảng thật rõ thì quý vị mới tin nổi, quý vị chẳng có thọ mạng dài như thế đâu!

Trong các kinh Phật, có một bộ kinh nhỏ tên là Tiển Dụ Kinh (kinh thí dụ mũi tên) để tỷ dụ việc này. Một người trúng phải tên độc, thời cổ đối với khoảng cách xa người ta dùng cung tên [tấn công]. Ông ta trúng phải tên độc, độc ngấm rất sâu. Nay có thầy thuốc cho uống thuốc giải, rịt thuốc vào [vết thương] sẽ ngay lập tức lành mạnh. Nếu ông ta chẳng tin tưởng, cứ muốn biết chất độc ấy là gì? Dùng thuốc gì để giải? Đến lúc hiểu rõ những lý luận ấy thì chất độc đã phát tác mất rồi, mạng còn đâu nữa? Bởi thế, lúc ấy điều gì cũng không buồn hỏi, cứ tin là dùng ngay, sẽ hữu hiệu, bèn được lành. Quý vị khỏe rồi mới lại nghiên cứu thì được, vì quý vị có thời gian. Còn trong lúc đó, lúc tánh mạng nguy cấp mà vẫn đòi nghiên cứu, chẳng phải là tự kiếm cái chết ư?

9[9] Nhân dân tệ (Renminbi): Đơn vị tiền tệ của Trung Hoa Đại Lục.

Ở đây, đức Phật dạy chúng ta tin vào thiện tri thức, đối với họ ta phải có tín tâm. Quý vị không tin tưởng họ, dù họ có đại trí huệ, có đại năng lực cũng giúp không nổi! Đức Phật có trí huệ rất rảo viên mãn, đức năng viên mãn, chúng ta tin tưởng hay không? Chẳng tin tưởng thì không có cách gì hết! Ai có thể tin? Những người thiện căn sâu dày. Trong đời quá khứ đã gieo thiện căn sẽ tin được, hiểu được. Nói thật ra, tín tâm của chúng ta đối với Phật pháp cũng phụ thuộc vào thời gian vun bồi, trưởng dưỡng mà có. Lúc thoát đầu, bước vào cửa Phật bán tín bán nghi, nhưng vị thầy giỏi khéo kiên trì dẫn dụ, bởi thế, thái độ dạy học của thầy là mẫu chốt quan trọng trong sự tiếp dẫn học sinh.

Đối với học trò, tâm thầy thực sự yêu thương, từ ái, quan tâm, tôn trọng, khiến cho kẻ làm học trò chẳng nể tâm xa lìa thầy. Dạy Phật pháp cho tôi, là hai vị thầy, người đầu tiên là Chương Gia đại sư, người sau là lão cư sĩ Lý Bình Nam. Lúc đó, tôi vẫn còn đang đi làm, chỉ có ngày Chủ Nhật mới đến gặp thầy, mỗi Chủ Nhật đến một lần. Nếu Chủ Nhật ấy có việc không đến được, qua mấy ngày sau, Chương Gia đại sư gọi điện thoại cho tôi: "Sao ông không đến? Không khỏe hay sao?" Ngài an ủi, thăm hỏi tôi. Quý vị nghĩ xem: Trong tình hình đó, chẳng thể không đến, chuyện gì cũng mặc kệ, đến gặp thầy cái đã. Ngài đối với tôi quan tâm, thực sự yêu thương, che chở, khiến chúng tôi nghĩ đến Tứ Nhiếp Pháp do đức Thế Tôn đã dạy.

Chúng tôi thân cận đại sư, đại sư dạy chúng tôi bố thí pháp. Quan tâm, yêu thương che chở như thế đối với chúng tôi là bố thí vô úy, khiến chúng tôi lúc tiếp xúc Ngài, cảm thấy hết sức an toàn, hết sức hoan hỷ, [đó là] nhiếp thọ chúng sanh. Chúng tôi phát sanh lòng tin đối với lời Ngài răn dạy, Ngài đối với mình tốt như thế, quan tâm như thế, những gì Ngài dạy mình nhất định là tối hảo. Khởi lòng tin đối với thầy, nhất định làm theo lời thầy răn dạy, dù chẳng làm được một trăm phần trăm, ít ra cũng làm năm, sáu chục phần trăm. Năm sáu chục phần trăm cũng rất hữu ích rồi.

Do vậy, trong nhiều năm, bản thân chúng tôi sống, xử sự, đãi người, tiếp vật, đều tuân thủ lời thầy giáo huấn. Thầy dạy tôi một nguyên tắc chung "*đời người khổ đau, ngăn ngại*", đời người khổ, thọ mạng lại ngắn, nhất định phải "*đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, không tranh chấp cùng người, không mong cầu chuyện gì*". Thầy chỉ dạy chúng tôi tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc như thế. Bởi thế, gặp ai tranh chấp, tôi nhường; một đời học nhường nhịn, học chịu thiệt thòi, vì sao? Chịu thiệt thòi là phước, chúng ta có thể tiếp nhận, thực sự chịu lép là phước. Cứ mỗi lần nhường nhịn, mỗi một lần chịu lép, sau đấy đều rất thù thắng, bất cứ phương diện nào đều tốt hơn, cảnh giới ngày càng tốt hơn; do vậy, đối với giáo huấn của thầy, của Phật, Bồ Tát càng thêm tin tưởng.

Lúc tôi mới học Phật, thưa cùng quý vị là bán tín bán nghi, lời thầy răn dạy tôi chỉ thực hành được năm sáu chục phần trăm là khá lắm rồi! Học sinh như vậy chẳng dễ kiếm lắm đâu! Nay tôi đối với giáo huấn của thầy, kinh giáo của Phật, Bồ Tát tin tưởng một trăm phần trăm, phụng hành một trăm phần trăm. Theo thời gian tu học, tín tâm kiên định, tri giải thâm nhập, đạt lợi ích chân thật, pháp hỷ sung mãn!

Tâm Kinh nói "*chiếu kiến Ngũ Uẩn, độ nhất thiết khổ ách*" (soi thấy Ngũ Uẩn đều không, độ hết thảy khổ ách); tuy tôi chưa nhập được cảnh giới này, mới mon men, gần kề mà thôi. Đây là ân đức của thầy, Phật, Bồ Tát giáo huấn, công lao của hộ pháp. Được khéo che chở như thế trong những lúc gian nan khốn khổ tột bậc, các vị ấy ra tay giúp đỡ, khiến cho tôi cảm thấy ấm áp, chẳng đến nỗi thoái đạo, đó là ân đức hộ pháp. Con đường Bồ Đề xa lắm, chẳng gần gũi gì! Quan trọng nhất là phải chịu đựng được thử thách, chịu đựng được gian nan, phải như cổ nhân nói: "*Càng vấp ngã, càng hăng hái*", càng tiếp tục gắng công thì đạo nghiệp mới có thể thành tựu. Người thế gian tranh giành danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, rất tốt! Ta chẳng cần những thứ đó. Bởi thế, chúng ta chẳng xung đột với họ, họ cần cái ta không cần, ta cần cái họ không cần. Ta cần đạo đức nhân nghĩa, họ không cần. Ta chẳng cần danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, họ cần. Bởi thế, chúng ta đối xử hòa thuận với nhau, chẳng xung đột quyền lợi. Đọc đến đoạn này, hết sức cảm thán. A! Nay đã hết giờ rồi!

Tập 09

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần Biệt Tự Tam Cương (ba cương lĩnh trong phần Biệt Tự), chúng tôi đọc kinh văn một lượt, may là kinh A Di Đà mọi người rất thông thuộc rồi.

6.2.2. Biệt Tự

Nhĩ thời, Phật cáo trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Tùng thị Tây Phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà kim hiện tại thuyết pháp.

爾時佛告長老舍利弗。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛。號阿彌陀。今現在說法。

(Lúc bấy giờ, đức Phật bảo trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Từ đây qua khỏi mười vạn ức cõi Phật về phương Tây, có thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật, hiệu là A Di Đà nay hiện đang thuyết pháp).

Mọi người hãy coi đoạn này, đoạn này rất chẳng thể nghĩ bàn, đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta điều trọng yếu nhất. Trong đoạn này có ba điều:

1) Thứ nhất là: "*Hữu thế giới danh viết Cực Lạc*" (Có thế giới tên là Cực Lạc), chú ý chữ "có". Chữ Có này hết sức khẳng định, khiến cho chúng ta chẳng nẩy sanh mảy may hoài nghi; đúng thật là có, có một thế giới tên là Cực Lạc.

2) Điều thứ hai là trong thế giới ấy có một đức Phật tên là A Di Đà Phật. Quý vị thấy "*kỳ độ hữu Phật*" (cõi ấy có Phật), vậy là hai chữ Có. "*Hiệu A Di Đà*", A Di Đà Phật làm gì ở đó? "*Kim hiện tại thuyết pháp*" (Nay hiện đang thuyết pháp). Như vậy là đã nêu ra vì sao thế giới ấy là Cực Lạc? "*Y báo trang nghiêm*": Dem thế giới Cực Lạc so sánh với thế giới của chúng ta, thế giới chúng ta là thế giới cực khổ, còn của người ta là Cực Lạc, không có khổ; chỉ có lạc, không có khổ. Kinh văn còn giới thiệu vì sao thế giới ấy là Cực Lạc? Vì y báo trang nghiêm!

Câu thứ hai là Chánh Báo Trang Nghiêm: "*Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà*" (Cõi ấy có Phật, hiệu A Di Đà).

3) Thứ ba là sự nghiệp trang nghiêm: "*Thuyết pháp*", thuyết pháp là sự nghiệp, "*nay hiện đang thuyết pháp*". Đức Thế Tôn đem sự kiện hy hữu khó có này giới thiệu cùng chúng ta, chúng ta nghe xong bèn có cảm tưởng gì? Nói theo kiểu người hiện thời là có phản ứng gì? So với thế giới của chúng ta, khác rất xa. Thế giới này của chúng ta, nhất là trong hiện thời, có thể nói là thế giới cực khổ, khổ chẳng thể nói nổi; bởi thế, nghĩ đến thế giới kia là thế giới Cực Lạc.

Tiếp đó, kinh văn giới thiệu cùng chúng ta vì sao thế giới ấy cực lạc? Trong thế giới ấy không có khổ, nên gọi là thế giới Cực Lạc. Vì sao không có khổ? Có thầy giỏi chỉ dạy. Nhân dân trong thế giới Cực Lạc đều là người thiện căn chín muồi; chẳng như người trong thế giới này của chúng ta. Thầy trong thế giới chúng ta khá lắm. Nói thật ra, Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà Phật chẳng khác nhau, nhưng chánh báo của thế giới Sa Bà chẳng trang nghiêm, nguyên nhân là do đâu? Chúng sanh ở đây phiền não tập khí rất nặng, nghiệp chướng rất sâu, ương ngạnh khó hóa độ. A Di Đà Phật có đến đây cũng bó tay, mọi người chẳng chịu tiếp nhận, làm cách nào được nữa? Chẳng thể sánh với Tây Phương Cực Lạc thế giới được.

Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới người người thiện căn đều thành thực? Chúng ta phải hiểu điều này. Thế giới Tây Phương là quốc độ mới thành lập, A Di Đà Phật thành Phật đến nay chỉ mới mười kiếp; giống như một quốc gia mới được thành lập trong thế giới này. Thế giới Sa Bà này của chúng ta giống như một nước cổ đã mấy ngàn năm; bởi thế, đời đời kiếp

kiếp tích lũy rất nhiều tệ hại, chẳng thể dễ dàng sửa đổi được. Tây Phương Cực Lạc thế giới là chỗ tu học do A Di Đà Phật tạo thành, thoát đầu không có nhân dân, người trong thế giới Cực Lạc từ đâu đến? Từ mười phương thế giới di dân đến. Phàm những ai sanh về thế giới Cực Lạc đều phải thỏa điều kiện, không phù hợp điều kiện sẽ chẳng đến được. Điều kiện gì? Thấy đều là thiện căn, phước đức, nhân duyên chín muồi; trong kinh nói rất rõ: "*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*" (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Do đây biết rằng: Di dân đến nơi đó đã được A Di Đà Phật chọn lọc kỹ càng. Bởi thế, nhân dân trong thế gian ấy dễ giáo hóa, chẳng ương ngạnh khó hóa độ như ở đây.

Nếu chúng ta muốn vãng sanh, nay thấy thế giới kia tốt đẹp như thế đó, đúng là hiếm có, khó gặp, chúng ta muốn đến đó thì đến bằng cách nào đây? Nhất định phải đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên. Nhân duyên dễ có, vì sao? Người khác có thể giúp mình được. Chứ riêng thiện căn, phước đức phải do chính mình tu, người khác chẳng thể giúp được. Thế nào là thiện căn? Thế nào là phước đức? Khi giảng kinh Vãng Sanh (quý vị phải nhớ kỹ, kinh Vãng Sanh chính là ba kinh một luận trong Tịnh Độ, chuyên môn giảng về chuyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, gọi chung là kinh Vãng Sanh), đã nói đến rất nhiều lượt.

Thiện căn là tin được, hiểu được, đó là thiện căn. Quý vị tin tưởng, hiểu được kinh văn, quý vị nhìn hiểu được, nghe hiểu được, đó là thiện căn. Phước đức là gì? Hành được, chứng được, quý vị chịu y giáo phụng hành là có phước; quý vị không y giáo phụng hành thì không có cách gì hết! Nhân duyên là điều kiện bên ngoài; nhân duyên quan trọng nhất là gặp được thiện tri thức chân chánh đem pháp môn này giới thiệu cùng quý vị. Nhân duyên ấy chúng ta đã có.

Xưa kia, vị xuất gia giới thiệu pháp môn này cho tôi là pháp sư Sám Vân; vị tại gia giới thiệu pháp môn này là lão cư sĩ Lý Bình Nam. Pháp sư Sám Vân giới thiệu pháp môn này với tôi vì tôi vốn hoài nghi pháp môn này, chẳng thể tiếp nhận. Pháp sư Sám Vân dạy tôi đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao, Yếu Giải, Viên Trung Sao, lại dạy tôi đọc Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Mấy bộ sách ấy tôi rất chuyên tâm học trong vòng nửa năm. Học xong khá tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, chẳng hoài nghi nữa, cũng hết sức tán thán, nhưng vẫn chưa phát tâm học pháp môn này. Biết pháp môn này thù thắng, nhất là trong Văn Sao, pháp sư Ấn Quang đã đau lòng rất miệng giáo hóa đại chúng hiện tiền, khẩn thiết giới thiệu pháp môn này.

Về sau, tôi rời khỏi Phổ Lý, đến Đài Trung theo học kinh giáo với thầy Lý. Hứng thú, chí nguyện đích thực của tôi là kinh giáo. Thầy Lý thường khuyên

tôi tu pháp môn Tịnh Độ, thầy giảng kinh Di Đà. Tôi nghe xong, thực sự rất cảm động, điều này thầy Lý cũng nhìn ra. Đối với bọn đồng học chúng tôi, trong lúc trò chuyện cùng đại chúng, cụ từng nói tôi sẽ có dịp được thọ dụng kinh Di Đà. Tôi thực sự chết sạch lòng mong ngóng so đo, khiêm hư sát đất, chẳng hoài nghi nữa, chuyên tu, chuyên hoằng Tịnh Độ là lúc giảng kinh Hoa Nghiêm, tôi đã từng kể cùng quý vị rồi. Giảng kinh Hoa Nghiêm lần đầu giảng được một nửa, tức là giảng một nửa Bát Thập Hoa Nghiêm, Tứ Thập Hoa Nghiêm cũng giảng được một nửa. Có một ngày, tôi đột nhiên nghĩ Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn nào? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Quan sát kỹ càng, thầy đều là pháp môn Niệm Phật, nên mới chết sạch lòng mong ngóng so đo, khiêm hư sát đất.

Văn Thù, Phổ Hiền là hạng người nào? Chúng ta còn chưa đủ tư cách làm thị giả cho các Ngài. Các Ngài đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, mới biết pháp môn này thù thắng khôn sánh. Bởi thế, sự giáo học là khẩn yếu nhất, trước kia tôi đã hiểu được đạo lý này. Lúc đọc Lễ Ký, có một câu gây ấn tượng hết sức sâu đậm: "*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*" (Dựng nước, cai trị nhân dân, dạy dỗ làm đầu), trong thiên Học Ký có câu như thế. Có thể nói một thiên Học Ký là triết học giáo dục tối cổ của Trung Quốc.

Sau này học Phật, thấy sự nghiệp của chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát là gì? Giáo học! Giáo học là sự nghiệp của Bồ Tát, là gia nghiệp của Như Lai, nay gọi là "giáo dục đa nguyên văn hóa". Đời đời kiếp kiếp (người Trung Quốc nói là "*thế thế đại đại*") thực hiện sự nghiệp này, đời trước truyền cho đời sau, trong hết thảy hạnh nghiệp, nó là một hạnh nghiệp tối thù thắng.

Bởi thế, Khổng lão phu tử từng nói, tôi hiểu được ý Ngài: "*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*" (Học rồi thực hành, cũng chẳng vui sao?) Tôi hiểu: Nếu quý vị học tập hay dạy học chẳng khế nhập cảnh giới, chẳng thể áp dụng những gì quý vị đã học, đã dạy vào cuộc sống, sẽ chẳng đạt được pháp hỷ. Pháp hỷ sung mãn, khoái lạc khôn sánh! Sự vui ấy chẳng phải là niềm vui ngũ dục lục trần bên ngoài, chẳng phải do bên ngoài kích thích, mà từ nội tâm lưu xuất, giống như suối chảy từ nguồn. Từ tự tánh phát xuất "*cũng chẳng vui sao?*" Là sự vui lớn nhất trong hết thảy pháp thế gian, xuất thế gian. Tôi cũng thường hay nói "duyên của Khổng lão phu tử rất thù thắng", Ngài không có ý nguyện giáo hóa xã hội. Ý nguyện cả một đời Ngài là gì? Làm quan! Ngài mong mỗi có một chức vị, đem cái học bình sinh của mình cống hiến cho xã hội, cống hiến cho quốc gia. Chúng tôi tin nếu Khổng lão phu tử làm được Tể Tướng trong thời Liệt Quốc, rất có thể Ngài trở thành một Châu Công thứ hai.

Nhưng thời tiết nhân duyên của phu tử chẳng giống với thời đại Châu Công. Phu tử sống nhằm thời Xuân Thu Chiến Quốc, xã hội loạn lạc bất an, nước lớn kiêm tính nước nhỏ; bởi thế, thời cuộc thật bất lợi đối với Khổng

lão phu tử. Ngài có muốn làm sẽ rất khó khăn, bất quá chỉ được như Quản Trọng là cùng, khá khó khăn! Thuở ấy, vua chúa các nước chẳng ai chịu dùng Ngài, chu du các nước, cầu làm được một chức quan nhỏ cũng không ai chịu dùng. Tình thế bất đắc dĩ, phải quay về nhà dạy học, hy vọng truyền cái học của mình cho thế hệ sau, mong mỗi đồ đệ sẽ phát huy hoài bão của mình, cho nên mới về nhà dạy học!

Lúc quay về nhà, lão nhân gia đã sáu mươi tám tuổi, Khổng lão phu tử mất năm bảy mươi ba tuổi. Vì thế, trên thực tế, Ngài mở trường dạy học tổng cộng chỉ có năm năm, không lâu! Nhưng duyên ấy thù thắng phi thường, thành tích dạy dỗ khả quan, trong lịch sử Trung Quốc không tìm được người thứ hai nào! Học trò ba ngàn người, vậy là một ngôi trường tư khá quy mô. Học trò có thành tựu (nay ta gọi là học trò xuất sắc) gồm bảy mươi hai người – Thất Thập Nhị Hiền. Trong lịch sử Trung Quốc mãi cho đến ngày nay, không có một nhà giáo dục nào có cách gì làm được như Khổng Tử! Đương nhiên là có học trò thành tựu, nhưng không nhiều như thế. Ngài được trong triều ngoài nội, các đời cùng tôn xưng là Chí Thánh Tiên Sư, đây là điều lúc còn sống Khổng lão phu tử chưa bao giờ nghĩ đến, Ngài chưa hề nghĩ đến việc theo đuổi công tác giáo dục.

Nhưng ngay từ lúc trẻ tuổi Thích Ca Mâu Ni Phật đã biết rõ; Khổng lão phu tử mong cầu một chức quan, Thích Ca Mâu Ni Phật là người kế thừa vương vị, nhưng chẳng cần. Đức Phật chân chánh giác ngộ, giúp cho hết thảy chúng sanh trong thế gian phá mê khai ngộ, giúp cho xã hội quốc gia yên bình dài lâu. Dùng phương pháp nào mới hòng đạt được mục đích ấy? Giáo dục. Thích Ca Mâu Ni Phật thực sự buông xuống vạn duyên, theo đuổi công tác giáo dục xã hội, thực sự là đa nguyên văn hóa, chẳng phân biệt giới hạn quốc gia, chẳng phân biệt sắc dân, cũng chẳng phân biệt văn hóa, chẳng phân biệt tôn giáo tín ngưỡng, đúng là giáo dục không phân biệt, người tìm đến chẳng cự tuyệt, người đi không níu kéo. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện, chứng thực hai câu ghi trong thiên Học Ký là chính xác, "*giáo học vi tiên*" (giáo dục làm đầu). Bất cứ hạnh nghiệp thế gian, xuất thế gian nào, bất luận xây dựng cái gì, điều đầu tiên là gì? Giáo học là bậc nhất!

Khổng lão phu tử tự thuật cả một đời mình: Ngài nói về kinh nghiệm học vấn. Năm mười lăm tuổi dốc chí nơi sự học, học khá lắm. Ba mươi tuổi thành tài, bốn mươi chẳng sai lầm, năm mươi biết mạng trời, sáu mươi tai nghe đã thuận, bảy mươi tuổi việc làm thuận theo lòng mong muốn, nhưng chẳng vượt khỏi quy củ. Năm bảy mươi ba tuổi Ngài mất. Lời tự thuật ấy thuyết minh cảnh giới học vấn của cả một đời Ngài, không ngừng tự hoàn thiện. Luôn tự hướng thượng tức là tinh tấn chẳng lười, trong đạo Phật gọi là "tinh tấn, dũng mãnh", ở phần trên chúng ta đã thấy Bồ Tát biểu thị pháp

nhằm ngẫm chỉ cho chúng ta, chỉ dạy chúng ta “chẳng ngồi nghỉ, thường tinh tấn!” Học vấn của phu tử đúng là như thế đó.

Thích Ca Mâu Ni Phật hướng đến toàn thể giới, Ngài theo đuổi việc dạy dỗ suốt bốn mươi chín năm, theo cách tính của người Hoa là năm mươi năm, từ đầu đến cuối là năm mươi năm. Ngài bắt đầu dạy dỗ năm ba mươi tuổi, tám mươi tuổi tịch. Người Hoa nói tám mươi tuổi là “hư tuế”^{10[10]}, trên thực tế là bảy mươi chín tuổi, Thích Ca Mâu Ni Phật tịch diệt năm bảy mươi chín tuổi. Học trò có thành tựu của Ngài so với Khổng lão phu tử nhiều hơn rất nhiều, đơn giản nhất là như ta thấy hàng Thường Tuy Chúng thường được nhắc đến trong kinh. Mỗi vị trong số Thường Tuy Chúng ấy đều có thành tựu, không thành tựu sẽ chẳng nhắc đến. Phải thực sự chứng quả mới được nêu tên, ở đây nói rõ là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, đều là bậc chứng quả. Ở đây, chúng ta thấy một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị “*giai thị đại A La Hán*” (đều là đại A La Hán). Trong phần trên chúng tôi đã thưa cùng quý vị: Đại A La Hán là Pháp Vân Địa Bồ Tát, là thánh nhân, không phải phàm phu.

Bởi thế, chúng ta lắng lòng quán sát: Hạng người thông minh bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian, người thực sự có trí huệ sẽ tuyển chọn nghề nghiệp nào trong thế gian? Dạy học. Người ấy chẳng làm nghề gì khác. Vì sao? Dạy học là nghề nghiệp cống hiến rất lớn cho thế gian, xuất thế gian. Dạy người căn cơ chín muồi, dạy người ta chuyển phàm thành thánh; để dạy người căn tánh chưa thành thực thì dạy kẻ ấy phá mê khai ngộ; để dạy hết thầy kẻ trung hạ căn, phàm phu thì chỉ dạy họ chuyển ác làm lành. Phật, Bồ Tát giáo hóa hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức; bất luận quý vị muốn học điều gì, Phật, Bồ Tát đều rất hoan hỷ dạy cho quý vị. Nếu nay có kẻ hỏi: “Tôi muốn cầu phát tài, Phật có dạy hay không?” Phật dạy chứ, đúng là trong nhà Phật “*hữu cầu tất ứng*”. Phật có thể dạy cho quý vị đời đời kiếp kiếp được giàu sang lớn, chẳng giả đâu! Cầu trí huệ, đời đời được đại trí huệ. Hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian phải vào trong Phật pháp mới hồng thực sự viên mãn rốt ráo.

Trong đời quá khứ chúng ta đã gieo thiện căn, trong đời quá khứ đã kết pháp duyên thì trong một đời này mới gặp được Phật pháp, đã gặp được Đại Thừa, lại còn có thể cùng nhau học tập. Nếu chúng ta chẳng thể gặp mặt nhau, quý vị có thể nối mạng Internet, có thể nhìn vào màn huỳnh quang của máy TV, thầy đều là người hữu duyên. Chỉ cần y giáo phụng hành, quan trọng nhất trong việc y giáo phụng hành là buông thành kiến của chính mình xuống, đây là điều tôi thường nói: Buông xuống cách nghĩ, cách nhìn,

^{10[10]} Hư tuế là cách tính tuổi, ta thường gọi là tuổi ta, tức là vừa sinh ra đã tính là được một tuổi, không chờ đến sinh nhật đầu tiên mới là một tuổi.

cách nói, cách làm của chính mình đối với hết thầy vũ trụ, nhân sanh, con người, sự vật, phải buông những điều này xuống. Vì sao? Những thứ ấy toàn là lằm lạp, thực sự là lằm lạp. Chẳng buông những thứ lằm lạp ấy xuống, dù chúng ta có học theo Phật, Bồ Tát thì vẫn chẳng giống, vẫn học không ra gì! Nếu thực sự buông xuống, triệt để buông xuống, trong một đời này, chắc chắn quý vị học rất giỏi, học rất giống, học rất thành công.

Trong thời đại hiện tại này, chúng ta bên trong có phiền não tập khí, đây là điều mọi đồng tu chúng ta chẳng thể chối cãi được, đều phải thừa nhận, đúng là nghiệp chướng rất nặng, bên ngoài sức dụ dỗ mê hoặc hết sức mạnh mẽ. Dụ dỗ mê hoặc bên ngoài là Ma, là Thiên Ma trong bốn thứ Ma. Thiên Ma là ngũ dục, lục trần, danh văn, lợi dưỡng từ bên ngoài mê hoặc. Bởi thế, rất khó thành tựu, không lưu tâm một chút là thoái chuyển liền, ngã lòng liền. Bởi thế, người học Phật thì nhiều, người thành công lại ít chính là vì nguyên nhân này. Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta một hoàn cảnh tu học tốt nhất là thế giới Cực Lạc. Quý vị sang thế giới Cực Lạc ấy, dù phiền não tập khí nghiêm trọng đến mấy cũng không sao, vì chẳng có duyên. Chẳng có duyên bên ngoài, dù trong tâm quý vị có phiền não tập khí, nó cũng chẳng thể phát khởi được. Chẳng như thế giới Sa Bà này, duyên bất thiện trong thế giới Sa Bà rất nhiều, lôi kéo phiền não tập khí. Thế giới Cực Lạc không như vậy, thế giới là nơi "*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*" (các thượng thiện nhân cùng ở một chỗ).

Ở nơi đây, cơ hội học tập, nghe pháp đều chẳng dễ dàng, đều hết sức khó khăn. Trong thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật, chư đại Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp, nghiên cứu, giảng dạy, tu hành chưa hề gián đoạn. Vô lượng vô biên pháp môn, quý vị muốn học pháp môn nào, quý vị bèn vào phòng học đó, ở đó có Bồ Tát chỉ dạy quý vị. Duyên tốt quá! Ở đây, chúng ta muốn học điều gì, tìm thầy chẳng ra, tìm hoàn cảnh tu học chẳng được; huống hồ lại còn rất nhiều chướng duyên chướng ngại chẳng thể tưởng tượng được, khiến quý vị chẳng học cho tốt được, khiến quý vị chẳng đạt được tiến bộ. Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên chúng ta thay đổi hoàn cảnh tu học, lấy thế giới Cực Lạc để thay đổi hoàn cảnh. A! Chúng ta biết có Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta muốn qua Tây Phương Cực Lạc thế giới, khó hay dễ? Nói khó thì chẳng khó, nói dễ cũng chẳng dễ, vẫn là phải có đủ ba điều kiện: thiện căn, phước đức, nhân duyên.

Thiện căn là:

1) Tín tâm kiên định, quyết định chẳng có mảy may nghi hoặc đối với pháp môn Tịnh Độ.

2) Nguyên tâm kiên định, trong một đời này, ta chỉ có nguyện vọng: Cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ngoại trừ nguyện vọng ấy ra, tổ sư

đại đức thường bảo là thân tâm thế giới thay đều thực sự buông xuống hết, thực sự buông xuống!

Ắt phải có đủ hai điều kiện ấy thì mới là thiện căn.

Phước đức: Gặp thiện tri thức là phước đức, quý vị phải có phước mới được gặp. Gặp được thầy tốt, đồng học tốt, đều là những chuyện chỉ có thể gặp, chứ không thể cầu! Thầy dạy dỗ, đồng học thiết tha giùi mài, quý vị sẽ hiểu được, sẽ phát ngộ. Hiểu rõ rồi, chắc chắn trong cuộc sống thường nhật, quý vị sẽ thực hiện những điều quý vị tin và hiểu. Quý vị làm được "*nhất tâm xưng niệm*", kinh Vô Lượng Thọ bảo là "*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*". Đây là phước đức thực sự. Phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm có bị chướng ngại hay chẳng? Có đồng học đã từng hỏi tôi [chuyện ấy]. Người công phu đắc lực chẳng gặp chướng ngại, nếu công phu chẳng đắc lực bèn có chướng ngại.

Chúng tôi nêu lên hai ví dụ rõ ràng nhất. Trước kia, chúng tôi ở Cựu Kim Sơn (San Francisco) biết một người thân thích của Cam lão cư sĩ niệm Phật vãng sanh. Sự việc ấy cách nay chừng hai mươi năm, trong thập niên 1980. Tôi nhớ bà ta kể chuyện này với tôi vào năm 1984, khoảng chừng hai năm trước đó, một bạn già của bà là một bà cụ niệm Phật vãng sanh. Người con bà đang theo học tại Mỹ, tốt nghiệp xong làm việc tại Mỹ, kết hôn, sanh được một đứa bé. Đứa con đón mẹ qua Mỹ để làm gì? Để trông cháu. Ở Mỹ, hai vợ chồng đều đi làm, để mẹ ở nhà trông nhà, chăm sóc cháu. Bởi thế, bà mẹ làm việc nhà, chăm sóc cháu.

Ở Mỹ chẳng bao lâu, đứa trẻ đã lớn, vào tiểu học. Bà cụ vẫn trông nom việc nhà, mỗi ngày dọn dẹp nhà cửa, nấu hai bữa cơm. Bởi lẽ, buổi sáng ăn điểm tâm, người đi làm bèn đi làm, đứa đi học bèn đi học, chiều về ăn cơm tối, nói chung đều ăn trưa ở ngoài. Bà cụ ở nhà rất thanh tịnh! Gia đình ấy trở thành đạo tràng của bà, công phu niệm Phật chẳng gián đoạn, cũng chẳng ai biết đến. Đến một ngày mới nhận ra, mới biết bà cụ ấy chẳng tầm thường. Bà mất vào một buổi tối, cũng chẳng biết mất lúc nào. Sáng dậy, con trai, con dâu, cháu nội đều dậy cả rồi, muốn ăn điểm tâm để đi học, đi làm, thế nhưng ngày hôm ấy không có điểm tâm, bà cụ không thức dậy. Họ bèn mở cửa phòng tìm bà cụ: "Sao hôm nay lạ quá! Cụ chẳng thức dậy?" Mở cửa ra, thấy bà cụ ngồi trên giường, ngồi xếp bằng trên giường, đã mất từ lâu, ngồi mà qua đời. Mọi người cũng sửng sờ.

Coi kỹ, bà cụ đã viết sẵn di chúc đặt trước mặt trên giường để dặn dò hậu sự. Kỳ diệu hơn nữa là đồ tang của con trai, con dâu và cháu, bà cụ đã may sẵn. Cụ biết trước lúc ra đi, chẳng biết đã chuẩn bị sẵn từ lúc nào, tự đã chuẩn bị sẵn hậu sự cả rồi, đồ tang cũng bày sẵn trên giường. Bà Cam kể cho tôi nghe chuyện này. Người tu hành thực sự không có chút gì để có thể nhận ra, cụ bà chẳng gặp trở ngại gì. Vẫn thường chăm sóc việc nhà,

biết trước lúc mất, chẳng bệnh, nói đi là đi, đi rất đẹp đẽ, đi rất tự tại đường ấy. Đó là người có công phu tốt đẹp, chẳng có trở ngại gì.

Ngoài ra là một vị xuất gia, quý vị thường nghe pháp sư Đàm Hư kể: Một lần, chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân [tổ chức lễ] truyền giới lần thứ nhất, thầy Tu Vô là một vị xuất gia không được ai coi trọng. Thầy không biết chữ, trước khi xuất gia làm thợ nề, làm việc nặng. Sau khi xuất gia, ở trong chùa đều làm những việc nhọc nhằn nhất; người khác chẳng muốn làm, thầy đều tình nguyện làm: dọn nhà cầu, trồng rau, chẻ củi, gánh nước, thầy chuyên làm những việc đó. Cái gì thầy cũng không biết, chỉ có một câu A Di Đà Phật chẳng buông lung, bất luận làm gì đều niệm A Di Đà Phật. Bởi thế, thầy làm rất vui vẻ. Với ai thầy cũng đều cung kính vì thầy chẳng biết làm gì, chẳng bằng ai cả.

Trong thời gian truyền giới, thầy phát tâm săn sóc bệnh nhân, chừng mấy bữa sau thưa với lão hòa thượng xin nghỉ. Lão hòa thượng nói:

- Ông đến chưa được mấy ngày đã muốn đi. Muốn đi thì đợi truyền giới xong hãy đi!

Thầy thưa:

- Con chẳng phải là đến nơi nào khác, mà là về thế giới Cực Lạc.

Lão hòa thượng thoát nghe, thật bất ngờ, hỏi:

- Chừng nào thầy đi?

- Chẳng quá mười ngày!

Ngày thứ hai, thầy lại đến gặp lão hòa thượng, lão hòa thượng hỏi:

- Chuyện gì?

- Ngày mai con đi!

Quý vị thấy tấm gương tốt, khuôn mẫu tốt cho chúng ta là như thế đó: Ở trong chùa làm việc nặng, suốt ngày chẳng nghỉ ngơi mà tu hành thành công, chẳng có chướng ngại chi hết. Thầy Tu Vô buông xuống được, chuyện gì cũng chẳng tranh giành, người ta đi trước, thầy luôn lùi ra sau.

Chẳng tranh cùng mọi người, "*ư nhân vô tranh, ư sự vô cầu*" (với người chẳng tranh, với sự chẳng cầu), bởi thế, đối với mỗi cá nhân đều cung kính, dẫu người khác coi thường thầy, nhưng đối với bất cứ ai thầy chẳng bị trở ngại. Thầy sống cuộc đời của thầy, thầy niệm Phật cũng chẳng ai biết. Lúc mất rất đẹp đẽ, tự tại đường ấy, thật là tấm gương tốt cho chúng ta! Nay chúng ta nghe người khác nói mấy câu, trong tâm chẳng mặc kệ được, còn đúng hay chẳng? Thầy Tu Vô là như thế, sao thầy chẳng được vãng sanh? Quý vị đánh thầy, chửi thầy, làm nhục thầy, thầy vẫn cười hì hì, đánh lễ quý vị, chấp tay với quý vị, cung kính quý vị, chẳng bận lòng! Vì sao? Thầy muốn về thế giới Cực Lạc, còn quý vị chẳng muốn đến đó. Thầy muốn đến bèn thực sự đến. A! Bây giờ hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem tiếp phần ba điều chánh yếu trong phần Biệt Tự, chúng ta đọc kinh văn một lượt:

Nhĩ thời, Phật cáo trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Tùng thị Tây Phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp.

爾時佛告長老舍利弗。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛。號阿彌陀。今現在說法。

(Lúc bấy giờ, đức Phật bảo trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Từ đây qua khỏi mười vạn ức cõi Phật ở phương Tây, có thế giới tên là Cực Lạc, trong cõi ấy có Phật hiệu là A Di Đà nay hiện đang thuyết pháp).

Trong đoạn kinh văn này, quan trọng nhất là hai chữ Hữu: "Hữu thế giới" và "hữu Phật", nay hiện tại "có", "nay hiện tại" là khuyến tín, "thế giới, Cực Lạc" là khuyến nguyện, "A Di Đà Phật" là khuyên hành diệu hạnh Trì Danh. Đây là ba điều chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh, ba sự việc hết sức quan trọng trong ba câu kinh. Trong sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, vừa mở đầu, Ngài đã giảng: "Pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, dứt bất đối đãi một cách viên dung, chẳng thể nghĩ bàn". Mấy câu ấy hết sức quan trọng.

Kích thước tác phẩm Yếu Giải không lớn; cuối Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư có viết lời Bạt không dài lắm, trình bày duyên khởi Ngài viết Yếu Giải. Tác phẩm Yếu Giải ấy được hoàn tất trong chín ngày. Cận đại, Ấn Quang đại sư nói tác phẩm Yếu Giải ấy dù A Di Đà Phật tái lai chú giải kinh A Di Đà cũng chẳng thể hay hơn được. Quả thật đã khen ngợi đến mức cùng cực.

Chúng ta biết Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, đối với bản Chú Giải ấy, Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán như thế, vậy thì người viết chú giải là ai? Chúng tôi nghĩ nếu chẳng phải là A Di Đà Phật, thì chắc chắn là Quán Thế Âm Bồ Tát; nhưng Ngẫu Ích đại sư chẳng bộc lộ thân phận, chẳng biết Ngài là vị nào tái lai? Ấn Quang đại sư nói lời ấy là có ngụ ý. Nếu chúng ta chú tâm cảm nhận, sẽ hiểu tác phẩm Yếu Giải ấy giá trị càng cao, phân lượng càng nặng. Chúng ta gặp được bản chú giải hiếm có khó gặp này, đều là do chúng ta có phước. Chúng ta gặp được bản Yếu Giải này là do phước đức, do có duyên phận tốt.

Trước kia, tôi giảng kinh ở Tân Gia Ba, có một bữa tôi đến gặp pháp sư Diễn Bồi, Ngài đãi tôi cơm trưa; tại bàn ăn chúng tôi bàn đến vấn đề này. Pháp sư Diễn Bồi hỏi tôi: "Ấn Quang đại sư tán thán như thế có phải là quá mức hay chẳng?" Tôi đáp lời lão nhân gia: "Không quá lỗ chút nào! Lời Ngài tán thán rất hay". Chúng ta biết Ngẫu Ích đại sư là đệ tử sau khi thầy đã

mất của Liên Trì đại sư, trong nhà Phật rất khó được như thế, cũng giống như Mạnh Tử là học trò sau khi thầy đã mất của Khổng Tử. Đây là hai nhân vật tiêu biểu thế gian và xuất thế gian. Mạnh Tử mong tìm được một vị thầy giỏi, tìm không ra. Học theo Khổng Tử, Khổng Tử đã qua đời, nhưng trước tác của Khổng Tử còn đó, Mạnh Tử tìm được. Chiếu theo trước thuật của Khổng Tử, y giáo phụng hành! Có chỗ nào không hiểu rõ, có nghi ngờ bèn thỉnh giáo nơi học trò của Khổng lão phu tử, bèn học thành công.

Nhưng Ngài học ra sao? Vượt trội hơn bảy mươi hai hiền nhân sống cùng thời Khổng lão phu tử, Ngài giỏi hơn bọn họ. Bởi thế, Trung Quốc đời đời tôn sùng Mạnh Tử là Á Thánh. Khổng lão phu tử là Chí Thánh, Mạnh phu tử là Á Thánh, tức là bậc thánh nhân chỉ kém Khổng Phu Tử, học trò sau khi thầy đã mất mà thành công! Ngẫu Ích đại sư là đồ đệ sau khi thầy đã mất của ngài Liên Trì, Liên Trì đại sư đã mất rồi, trước tác của Liên Trì đại sư còn đó. Bởi thế, với pháp môn Tịnh Độ, Ngài đọc bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, đọc bản Viên Trung Sao của U Khê đại sư, hai vị ấy đều là trưởng bối, [ngài Ngẫu Ích đọc tác phẩm của hai vị trưởng bối] được lợi ích rất nhiều. Vì sao Ngài soạn Yếu Giải? Trong bộ Yếu Giải, Ngài có kiến giải riêng, khác với kiến giải của hai vị đại sư tiền bối. Trong tác phẩm này có rất nhiều câu thuyết pháp trọng yếu, người xưa chưa từng đề cập đến.

"*Tuyệt đãi viên dung*" là tuyệt đối viên dung, chẳng thể nghĩ bàn. "*Gồm thâm trọn vẹn, siêu việt trọn vẹn hết thảy pháp môn*". Câu nói này được nêu lên trong sách Yếu Giải, trong quá khứ chưa có ai nói như thế. Đây là điều được phát hiện bởi Ngẫu Ích đại sư, là kiến giải độc đáo của Ngẫu Ích đại sư, khiến hậu nhân sanh lòng tin kiên định đối với bản kinh này. Chúng tôi nhiều năm học tập kinh Hoa Nghiêm, giảng giải Hoa Nghiêm, đối với Sớ Sao và Yếu Giải càng khế nhập sâu hơn. Vì sao? Tuy kinh không dài, nhưng nghĩa thú đã bao trọn kinh Hoa Nghiêm, truyền cùng một mạch. Bởi thế, đến cuối đời Thanh, trong niên hiệu Hàm Phong, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đem phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, tức là phẩm cuối cùng "*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*" [của kinh Hoa Nghiêm] ghép vào Tịnh Độ Tam Kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh. Nếu quý vị thấy có bản khắc gỗ đề Tịnh Độ Tứ Kinh, quý vị biết bản Tịnh Độ Tứ Kinh đó do cư sĩ Ngụy Mặc Thâm biên tập. [Lúc đó], Tịnh Độ gồm bốn kinh một luận.

Đến đầu thời Dân Quốc, Ấn Quang đại sư ghép Lăng Nghiêm Kinh Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương vào sau Tịnh Độ Tứ Kinh, biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Các bạn đồng học Tịnh Độ chúng ta phải hiểu rõ ràng lai lịch kinh điển Tịnh tông. Thoạt đầu, vốn chỉ có ba kinh một luận, một luận đó chính là Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát, tức là tác phẩm nói lên sự tu hành của chính Bồ Tát, có thể nói là bản báo cáo tâm đắc. Trong bản báo cáo ấy, Ngài cho chúng ta biết Ngài thực hiện ba kinh trong cuộc sống,

trong công khóa như thế nào, rất đáng cho chúng ta tham khảo. Bởi thế, chúng ta phải coi trọng mấy câu của Ngẫu Ích đại sư.

"Tuyệt đãi viên dung, bất khả tư nghị", đều là nói về A Di Đà Phật. Những ý nghĩa được nêu ở đây chúng tôi đều tóm tắt từ sách Yếu Giải. Một câu A Di Đà Phật đầy đủ Tam Học, Tam Học là Giới, Định, Huệ. Tam Huệ là Văn, Tư, Tu, *"đầy đủ Tam Học, Tam Huệ, hết thảy pháp môn"*. Cổ nhân nói: *"Trong tám vạn pháp môn, Niệm Phật bậc nhất"*. Sự đầy đủ ấy nay ta thấy rất rõ, rất minh bạch từ Vô Lượng Thọ Kinh; nhất là từ bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư, cực diệu, thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Bản hội tập của cụ do năm bản dịch gốc hội tập thành. Mấy năm nay, có người phản đối bản hội tập ấy, ai phản đối chúng tôi gởi cho bốn chữ: *"Mạt danh kỳ diệu"* (tuyệt diệu chẳng thể diễn tả được). Chưa nêu được chỗ diệu nên họ mới phản đối. Nếu họ hiểu rõ chỗ áo diệu của đạo lý, họ sẽ tán thành cả hai tay, kẻ ấy chưa hề nghiên cứu, chưa hề học tập, ai nói sao mình hòa theo như vậy, như thế là trệt rồi!

Ở Đài Loan, có một vị cư sĩ hết sức hiếm có. Ông ta đem bản hội tập đối chiếu với năm bản nguyên dịch rất tường tận, soạn thành một cuốn sách. Có người gởi cho tôi xem, tôi xem xong rất hoan hỷ, nhờ ông ta in một ngàn cuốn, nay sách đã gởi tới rồi. Một ngàn cuốn sách ấy chẳng phải là tôi muốn xem, mà chuyên để gởi tặng những ai hoài nghi bản hội tập. Quý vị có hoài nghi gì, cứ viết thư gởi cho chúng tôi, tôi sẽ gởi một bản, quý vị đọc kỹ. Trong lời tựa cho bản ấy, cư sĩ Mai Quang Hy^{11[11]} có viết: *"Mạt Pháp chín ngàn năm, tu Tịnh Độ đặc độ nhất định là do bản kinh này"*. Trong kinh, đức Phật có dự ngôn: *"Tương lai Phật pháp diệt hết, bản kinh này lưu thông một trăm năm, kinh này diệt sau cùng"*. Mai đại sĩ khẳng định, trong tương lai hết thảy kinh điển diệt hết, chỉ còn mỗi bản Vô Lượng Thọ kinh

11[11] Cư sĩ Mai Quang Hy (1880-1947) là cậu của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Cụ có tên tự là Hiệt Vân, quê ở huyện Nam Xương, tỉnh Giang Tây. Gia đình cụ có truyền thống thư hương nhiều đời, rất được trọng vọng. Cụ đỗ khóa thi Hương năm 19 tuổi, được bổ làm Đạo Viên tỉnh Hồ Bắc năm 23 tuổi, rất được tổng đốc Hồ Quảng là Trương Chi Động coi trọng, cử làm giám đốc trường Võ Bị Hồ Bắc, sau đây, ông Trương phái cụ Mai sang Nhật theo học trường Lục Quân Chấn Vũ Học Đường, để được huấn luyện thành sĩ quan chỉ huy. Sau khi tốt nghiệp, cụ còn theo học tại Nhật Bản Tảo Đạo Điền Đại Học, ngành chính trị kinh tế. Khi ấy, nhà Thanh đứng trước tình thế đất nước nghiêng ngả, phải nghĩ đến chuyện duy tân, chiêu mộ hiền tài cải cách đất nước. Bạn bè khuyên cụ tham chánh, cụ khẳng khái bảo: *"Công thành bị họa, danh thành bị thiếu đức, thầy ta là cụ Dương chẳng dạy ta như thế"*. Cụ Dương ở đây chính là nhà học giả Phật giáo Dương Nhân Sơn. Cụ Mai học Phật là do người cùng làng là Khuê Bá Hoa hướng dẫn, cụ Khuê là anh một người bạn học của cụ Mai. Cụ Mai theo học Đại Thừa Khởi Tín Luận, Hoa Nghiêm, Tam Luận và các kinh điển trọng yếu của Tịnh Độ với cụ Dương. Từ đây, cụ Mai chuyên tâm học Phật, trở thành một hành giả Tịnh Độ nhiệt thành và là một nhà nghiên cứu Duy Thức Học có uy tín, cụ từng nói: *"Chẳng phải sách Phật sẽ không đọc, chẳng phải Phật hạnh sẽ chẳng hành"*. Cùng với cư sĩ Hạ Liên Cư là hai nhân vật nổi danh với tài diễn giảng thời ấy *"Bắc Hạ, Nam Mai"*. Cụ để lại những tác phẩm nổi tiếng như Tướng Tông Cương Yếu, Tướng Tông Cương Yếu Tục Biên, Tướng Tông Sư Truyền Lược Lục, Đại Thừa Tướng Tông Thập Thắng Luận.

này, khẳng định [bản được lưu lại] là bản hội tập này. Tôi tin như vậy, chẳng hoài nghi chút nào.

Duyên của bản hội tập ấy hết sức thù thắng, trong quá khứ lão cư sĩ Triệu Phác Sơ từng tán thán. Cụ Phác Sơ đã từng đọc bản Chú Giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ tại Trung Quốc đại lục. Cuốn Giảng Ký [ghi chép lời giảng] kinh này của tôi được chính cụ Phác Sơ đề tựa sách, hết sức hoan hỷ. Có một lần, tôi gặp cụ nhằm đúng khóa thứ hai lớp huấn luyện bồi dưỡng tại Tân Gia Ba, chúng tôi dạy khóa đó, dùng bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ [làm tài liệu giảng dạy], trọng điểm là soạn lại khoa phán. Chúng tôi chỉ viết cái sườn khoa phán, để các đồng học mỗi ngày nghiên cứu thảo luận, cuối cùng tạo thành bản cố định. Bản ấy chúng tôi in theo lối xếp đôi giấy¹²[12], hoàn toàn vẽ bằng biểu đồ.

Tôi gởi cho cụ Phác Sơ một bộ, cụ cầm trên tay: “Vô Lượng Thọ kinh nay mới hoàn chỉnh, có khoa hội tường tận, có giảng giải tường tận như thế, có bản Đại Kinh Giải tuyệt luân tinh vi của Hoàng Niệm Tổ”. Cụ trông thấy hết sức cao hứng. Nhà Phật thường nói: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Duyên phận tốt đẹp dường ấy, quý vị gặp được không tin, chẳng thể tiếp nhận thì là kẻ vô duyên, thì đúng như thầy Lý nói kẻ ấy phải luân hồi nhiều kiếp. Khi nào anh tin tưởng, anh tiếp nhận, anh chiếu theo phương pháp lý luận trong kinh ấy tu hành, nhất định anh sẽ vãng sanh.

Tiếp đó, trong phần biểu giải tôi đã soạn, quý vị có thể đọc thấy: “*A Di Đà Phật, duy tâm vi tông, duy Phật vi tông, tuyệt đãi viên dung vi tông, siêu tình ly kiến vi tông*” (A Di Đà Phật, dùng duy tâm làm tông, chỉ lấy Phật làm tông, lấy viên dung tuyệt đối làm tông, lấy siêu tình ly kiến làm tông), như vậy mới là nêu rõ sự chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị thường học tập (đây cũng là điều chúng tôi thường đề xướng gần cả năm nay) Tam Thời Hệ Niệm. Pháp sự Tam Thời Hệ Niệm (là phương pháp tu hành), do thiền sư Trung Phong lão nhân gia biên định vào đầu đời Nguyên. Quý vị thấy trong phần khai thị, lão nhân gia nói: “*Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”, chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm đã nói. Quý vị phải thực sự hiểu rõ “*tâm ta là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta*”, “*phương này tức Tịnh Độ, Tịnh Độ tức phương này*”. Vấn đề ở chỗ mê - ngộ bất đồng. Ngài Trung Phong xác thực là bậc Bồ Tát đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, chẳng phải người tầm thường. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, địa vị thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, phải là từ Sơ Trụ trở lên. Thế giới Cực Lạc do

12[12] “*Xếp đôi giấy*” (triệp điệp bản) là lối in theo sách cổ, sách được in từng trang trên một tờ giấy dài, khi in xong sẽ gấp sách thành từng trang không đóng gáy, chỉ gấn bìa ở hai đầu.

đâu mà có? A Di Đà Phật do đâu mà có? Chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến. Đây là điều thứ nhất. Tông là căn nguyên, phải biết do đâu mà có.

"*Tâm*": Tâm rất khó hiểu. Mọi người trông thấy chữ Tâm bèn nghĩ đến Nhục Đoàn Tâm (quả tim thịt), quả tim trong thân thể, là một cơ quan trong thân ta. Chẳng phải nói về cái tâm ấy, cái tâm ấy chẳng có tác dụng gì hết. Loại thứ hai là Duyên Lự Tâm, nay ta thường gọi là tư tưởng, có thể nghĩ tưởng. Triết học gia Tây phương cũng nói như thế này: "*Tôi suy tưởng nên tôi tồn tại*". Chúng ta suy nghĩ, đại khái cái suy nghĩ ấy là do tâm ta. So ra, Duyên Lự Tâm cao hơn Nhục Đoàn Tâm một bậc, nhưng vẫn chưa trúng. Có thể suy tưởng, có thể phân biệt, có thể biết tà - chánh, đúng - sai, thiện - ác; đó là Thức. Chỉ do Thức hiện, đó là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, trong Phật pháp gọi là "vọng tâm", chẳng phải là chân tâm. Vẫn còn có cái chân tâm, vậy chân tâm là gì?

Chân tâm là "linh tri", chúng ta cũng có thể nói: Chân tâm là trí huệ Bát Nhã như trong nhà Phật thường nói. Trí huệ Bát Nhã vốn có sẵn trong tự tánh. Trí huệ Bát Nhã là Thể của tự tánh; đức năng, tướng hảo là tự tánh khởi tác dụng. Thể của tự tánh thuần túy là trí huệ, sau khi mê biến thành vô minh, biến thành phiền não. Kinh Hoa Nghiêm thường nói là biến thành vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Bởi thế, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là hiện tượng được dấy lên sau khi chân tâm bị mê, chúng được gọi là vọng tâm, chẳng gọi là chân tâm. Chân tâm không vướng mắc phân biệt, vọng tưởng, chấp trước; chân tâm ở đâu? Chân tâm chẳng hề rời khỏi ta, chẳng lìa hết thầy pháp.

Tôi đã trình bày cùng quý vị, tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm kết tinh nước, có vị đồng học ghi tóm tắt lại từ mạng Internet đưa cho tôi xem. Đây là chuyện khoảng chừng hai tháng trước. Tôi xem xong, lập tức nghĩ trong kinh Lăng Nghiêm; đức Phật nói mấy câu: "*Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện*" (Các pháp được sanh ra chỉ là do tâm hiện). Các pháp là hết thầy pháp, hư không, pháp giới, sát-độ, chúng sanh. Chúng sanh là hết thầy hiện tượng do các duyên hòa hợp sanh ra, nên gọi là chúng sanh. Nay chúng ta nói động vật, thực vật, khoáng vật, bao gồm tất cả hết thầy hiện tượng tự nhiên, đều là chúng sanh, đó đều là "các pháp". Các pháp ấy từ đâu sanh ra? Chỉ do tâm hiện.

Tiếp đó, lại nói: "*Hết thầy nhân quả*", hết thầy nhân quả là mười pháp giới, "*thế giới, vi trần*", lớn là thế giới, thế giới là tinh hệ (galaxy), cõi nước tam thiên đại thiên thể giới của Phật, đó là nói về cái to lớn. Hiện tại, khoa học hướng về hai cực đoan: Một là hướng về cái lớn vô cùng, tức vật lý không gian; hai là hướng về cái nhỏ vô hạn, tức lượng tử lực học (quantum mechanics). Những điều này trong kinh Phật đều có nói. "*Thế giới, vi trần*", thế giới là lớn nhất, vi trần là nhỏ nhất, "*do tâm mà thành Thể*", từ đâu mà

có? Từ tâm biến hiện ra. Tâm ở đâu? Không có thứ gì chẳng phải là tâm, tâm biến ra hết!

Giống như cổ đại đức giảng Phật pháp, nói hết thầy Phật pháp do tâm biến, mọi người chẳng hiểu, bèn nêu tỷ dụ, thí như "*dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng*", rất dễ hiểu. Dem tâm ví với vàng; dem thể giới, vi trần, hết thầy các pháp ví như các món vật, những món đồ ấy do đâu có? Do vàng biến hiện ra, tức do tâm biến hiện ra. Đặc tánh của tâm là gì? Đặc tánh của nó là linh tri, trong phần khai thị, Trung Phong đại sư gọi [chân tâm] là "*linh tri tâm*". Linh tri cũng chẳng dễ hiểu, trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật giảng rõ hơn. Kinh Lăng Nghiêm dùng bốn chữ "*kiến, văn, giác, tri*" (thấy, nghe, hay, biết); Trung Phong đại sư gọi là Linh, trong chữ Linh bao gồm khả năng thấy, nghe, cảm nhận. Không gì chẳng linh, tất cả hết thầy vạn vật đều linh! Bởi vậy, hết thầy vạn vật là do tâm biến, đặc tánh của tâm là có thể thấy nghe, có thể hay biết; ông Giang Bồn Thẳng từ việc kết tinh nước phát hiện ra điều đó. Quả thật nước có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ của con người, linh minh giác tri.

Bởi thế, chúng tôi biết tin đó, lập tức nghĩ đến những điều kinh Lăng Nghiêm đã nói. Chẳng riêng gì nước, nếu ông ta thí nghiệm trên tất cả hết thầy vạn vật, đúng là sẽ đều như thế. Thí nghiệm đơn giản nhất là trên hoa quả, cây cỏ chúng ta vun bón. Bất luận quý vị trồng thứ gì trong sân, hoặc với những cây Bồn Tài (bonsai), mỗi ngày đều nhìn nó, quan tâm đến nó, trò chuyện cùng nó, hoa cỏ mọc rất tươi tốt, mọc rất đẹp. Mỗi ngày quý vị chỉ đơn giản nói với nó mấy câu, ngày ngày nói với nó, quý vị thấy một tuần sau nó càng lớn càng đẹp. Quý vị lại làm thí nghiệm khác: Để riêng một chậu cây, mỗi ngày chán ghét nó, nó lớn nhưng rất xấu. Một tuần lễ sau, nó càng ngày càng xấu, có thể làm thí nghiệm như vậy!

Chúng tôi nghe nói: Hiện tại ở không ít trường học, bọn học trò nhỏ làm thí nghiệm đối với cây cỏ, hoa lá; quả nhiên phát hiện nếu chúng thường nghe lời khen ngợi, cây cối sẽ đặc biệt phát triển tốt. Nếu thường bị chửi mắng ác độc, bị miệt thị, cây ử rũ, thiếu sanh khí. Điều đó chứng tỏ lời Phật dạy trong kinh là đúng, chẳng phải giả! Nếu quý vị lại thí nghiệm, bùn cát đều có cảm ứng, đều thấy được, nghe được, cảm nhận được, biết được, không có một vật nào chẳng như vậy. "*Do tâm mà thành thể*": Triết Học thường gọi Thể là "bản thể", [chữ Thể nói trong kinh Phật chính là] bản thể của vũ trụ vạn hữu. Bản thể của vũ trụ vạn hữu là "*kiến, văn, giác, tri*", đây là Bát Nhã vốn sẵn có nơi tự tánh. Bởi vậy, hết thầy đức năng, hết thầy tướng hảo thầy đều trọn đủ, không có pháp nào chẳng đầy đủ kiến - văn - giác - tri.

Ông Giang thực hiện thí nghiệm kết tinh nước đã tám chín năm, tổng kết những sự kiện nào sẽ khiến nước kết tinh thành hình dạng đẹp nhất? Một là yêu thương, hai là cảm ơn, cảm tạ. Dùng những điều đó ngày ngày nói với nước, nước sẽ xuất hiện những kết tinh đẹp nhất. Bởi thế, tiến sĩ Giang nói thân thể con người chúng ta bảy mươi phần trăm là nước, nếu chúng ta có tâm yêu thương, có ý niệm cảm ơn, đối với hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật, thường đem lòng yêu thương, có tâm cảm tạ thì tất cả hết thầy vạn sự, vạn vật và bảy mươi phần trăm nước trong nội tâm, thân thể đều xuất hiện những kết tinh đẹp đẽ nhất. Người ấy nhất định mạnh khỏe sống lâu, hoàn cảnh bên ngoài nhất định biến thành tốt đẹp vô cùng. Đây là như các nhà Phong Thủy thường nói: "*Phong Thủy chuyển biến theo ý niệm của con người*", trong nhà Phật gọi là "*cảnh chuyển theo tâm*".

Ý niệm của con người, ý niệm thiện có thể cải biến toàn thể thế giới. Trái lại, ý niệm ác có thể tạo thành mối nguy hại lớn nhất cho thế giới. Bởi vậy, thế giới an hay nguy, thế giới sướng hay khổ, căn nguyên là vì đâu? Căn nguyên là ý niệm của chúng sanh sống trong thế giới ấy. Ông ta rút ra kết luận ấy từ chứng minh khoa học, trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật đã giảng rất rõ ràng, minh bạch.

"*Duy tâm làm tông*" là nói về Lý; "*chỉ lấy Phật làm tông*" là nói theo phương pháp tu học. Pháp môn này của chúng ta là "chấp trì danh hiệu A Di Đà Phật". A Di Đà Phật nghĩa là gì? A dịch là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Trí hoặc Giác. Toàn bộ danh hiệu này dịch ra là "vô lượng trí huệ, vô lượng giác ngộ", ý niệm ấy tốt đẹp. Vô lượng trí giác là Phật tánh, nơi hết thầy vạn vật thì gọi là Pháp Tánh, [còn nơi hết thầy hữu tình chúng sanh thì gọi là Phật tánh]. Chúng ta niệm A Di Đà Phật là niệm điều gì? Niệm pháp tánh. Vạn sự, vạn vật, không pháp nào chẳng giác, không pháp nào chẳng trí, trí giác trọn khắp hư không pháp giới. Bởi vậy, pháp môn này chủ trương Trì Danh Niệm Phật, tuyệt đối viên dung, hoàn toàn là cảnh giới Hoa Nghiêm. Lại còn nói thêm: "*Đầy đủ Tam Học, Tam Huệ, hết thầy pháp môn*", đó là viên dung tuyệt đối.

Bởi vậy, ngay từ tựa đề bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, chúng ta đã thấy ngay, tựa đề kinh rất dài: ***Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh***. Quá nửa tựa đề kinh này nói về quả đức, "*Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm*" là quả đức! Phần tiếp đó nói về tu đức, tu những gì? "*Thanh tịnh bình đẳng giác*". Trong Tam Học, Thanh Tịnh là Giới học, Bình Đẳng là Định học, Giác là Huệ học. Quý vị thấy chẳng những là Tam Học mà còn là Tam Bảo, Thanh Tịnh là Tăng Bảo, Bình Đẳng là Pháp Bảo, Giác là Phật Bảo. Tam Học, Tam Bảo! Tam Học cũng là Tam Tạng, Giới là Luật Tạng, Định là Kinh Tạng, Huệ là

Luận Tạng. Tam Huệ là một Thể, một mà ba, ba nhưng một. Kinh Hoa Nghiêm nói "*một tức là nhiều, nhiều tức là một*", tuyệt đối viên dung.

Kinh Hoa Nghiêm là viên dung, đại pháp viên đốn, chỗ quy túc cuối cùng của đại pháp viên đốn là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng nhập vào đâu? Vào Vô Lượng Thọ Kinh, nhập vào kinh A Di Đà. Vô Lượng Thọ Kinh, A Di Đà Kinh là tổng kết của kinh Hoa Nghiêm, là quy túc của kinh Hoa Nghiêm. Theo kinh Lăng Nghiêm, "*siêu tình ly kiến*" (vượt khỏi kiến giải do chấp trước tình thức) là cảnh giới của quả Như Lai, không phải là cảnh giới của Bồ Tát, đó chính là một câu A Di Đà Phật!

Mọi người chẳng hiểu rõ ý nghĩa này, bởi thế, thường hay coi thường: Câu A Di Đà quá dễ dàng, ai chẳng niệm được? Đứa trẻ lên ba còn niệm được. Sự ảo diệu trong một câu Phật hiệu không ai biết đến. Ai có thể hiểu rõ ràng thấu triệt? Chỉ có Phật và Phật mới có thể hiểu rất ráo, chỉ có đạt đến quả vị Phật mới biết một câu danh hiệu này chẳng thể nghĩ bàn. Nói cách khác, ngay cả Đẳng Giác Bồ Tát còn chưa hiểu trọn. Cổ nhân có tỷ dụ: Đẳng Giác Bồ Tát như ngấm trắng qua một bức màn, sợi màn bằng loại trầu đoạn¹³[13] rất mỏng, dẹt rất mịn. Thời cổ dùng loại the này làm cánh cửa sổ, ánh sáng lọt qua được. Đêm tối ngấm trắng sáng, dù màn hay cửa sổ bằng the che khuất, vẫn ngấm trắng rất rõ, nhưng là sao? Vẫn còn cách một tầng. Đối với sự việc này, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn như cách bức màn ngấm trắng, chẳng dễ dàng! Bởi vậy, pháp môn này gọi là pháp khó tin, quý vị thực sự tin được là quý vị có phước khí, thực sự có thiện căn. Trong kinh dạy một câu hay lắm: "*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*" (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi đó). Xác thực là quý vị có thiện căn, có phước đức, có nhân duyên thì quý vị mới có thể tin được, rất ư là khó vậy!

Chúng tôi chẳng thể giảng tường tận sách Yếu Giải, vì trong tương lai tôi sẽ giảng tường tận kinh A Di Đà một lần nữa. Khi giảng lần nữa, tôi sẽ giảng Yếu Giải. Trước kia đã giảng Sớ Sao một lần, còn giữ được bằng ghi âm, hình như không phải là bằng ghi hình. Chúng tôi nhớ có hơn ba trăm cuốn, mỗi cuốn dài chín mươi phút, hơn ba trăm cuốn đó nghe! Trong tương lai giảng lần nữa, chúng tôi sẽ đem Yếu Giải cùng các đồng học học tập lần nữa, chúng ta sẽ tích cực học tập tốt đẹp một lần nữa.

Tuy mấy câu kinh văn này không dài, nhưng trong Yếu Giải đại sư chú giải chẳng ít, chứng tỏ mấy câu này nói lên cương lĩnh của toàn bản kinh, ba đại cương lĩnh "*khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến tu*". Chấp trì danh hiệu là tu. Sau phần chú giải của Ngài, còn có mấy câu: "*Di Đà tự Phật,*

¹³[13] Trầu đoạn: Các loại the lụa rất mịn.

thuyết pháp tự Pháp, hiện tại hải hội tự Tăng” ([Kinh nói] Di Đà là giới thiệu Phật, nói thuyết pháp là giới thiệu Pháp, nói hải hội hiện diện là giới thiệu Tăng). Phật -Pháp - Tăng Tam Bảo, Tam Bảo cùng một Thật Tướng, đó là “giới thiệu Thể”. Từ đây khởi lòng tin, phát nguyện, tu hành, đó là “nêu Tông”. “*Tín nguyện hạnh thành, tất đắc vãng sanh kiến Phật, văn pháp, tự Dụng*” (Tín nguyện hạnh thành, tất được vãng sanh thấy Phật, nghe pháp, là nêu lên Dụng). “*Duy nhất Phật giới vi sở duyên cảnh, bất tạp dư sự, tự giáo tướng*” (Chỉ một Phật giới là cảnh sở duyên, chẳng xen tạp những việc khác, là nêu ra giáo tướng). Lời lẽ, văn tự rất đơn giản, nhưng ý nghĩa châu toàn phi thường, rất khó lãnh hội.

Trong phần chú sớ, Ngài nói “*Phật - Pháp - Tăng cùng một Thật Tướng*”, Thật Tướng là chân tướng sự thật của vũ trụ và chúng sanh (chúng tôi chẳng nói “nhân sanh”, phạm vi của nhân sanh quá hẹp, chúng sanh có phạm vi lớn hơn). Vì thế mọi người phải hỏi vũ trụ do đâu mà có? Hư không xuất hiện như thế nào? Vũ trụ do đâu có? Sanh mạng từ đâu có? Hết thảy chúng sanh từ đâu đến? Câu hỏi lớn đấy! Trong Phật pháp có lời giải đáp rất minh xác, tuy nói rất tỉ mỉ, rất minh xác, nhưng ít người hiểu nổi.

Có lần cư sĩ Chung Mậu Sâm thấy trên mạng Internet các nhà khoa học trình bày những sự việc ấy gần giống với Phật pháp, ông ta đã báo cáo những điều đó với chúng ta ở nơi đây. Bản báo cáo ấy khá lắm, tiếc là vẫn chưa hiểu rõ, chưa giải thích rõ được những sự việc ấy. Thực sự giảng rõ ràng, minh bạch vẫn là kinh Phật. Các nhà khoa học phát hiện “hữu” thực sự phát sanh từ “không”, tức là trong Vô sanh ra Hữu, “không vô” có thể sanh ra Hữu. Đó là phát hiện mới nhất của khoa học. Vũ trụ hình thành là “*nhất thời đốn hiện*” (xuất hiện ngay trong cùng một lúc), sự giải thích ấy không sai. Nhất thời đốn hiện, một thời nào? Không nói rõ được. Nay đã hết giờ rồi, đợi đến phần sau thấy có những câu nào liên quan đến vấn đề này, chúng tôi sẽ trình bày tiếp cùng quý vị. Hiểu rõ chân tướng sự thật đó, tâm chúng ta bèn định, vọng tưởng tự nhiên buông xuống được. Dù chẳng buông xuống hoàn toàn, cũng giảm thiểu được hơn một nửa, có ích rất lớn cho việc tu học. A! Nay đã hết giờ rồi!

**Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm
Pháp Sự Toàn Tập Giảng Ký,
phần 3 hết**

¹⁴[1] Phúc tiểu tòa là lối tập giảng, trong đó, học trò sẽ lên tòa giảng, giảng lại dựa theo lời giảng của thầy trước đó. Tham dự những buổi giảng như vậy chỉ có thầy và các đồng học, không có người ngoài tham dự nên gọi là “tiểu tòa”. Mục đích của phúc tiểu tòa nhằm giúp cho người giảng luyện tập, cũng như tiếp nhận sự đóng góp ý kiến của thầy và đồng học.

¹⁵[2] Phát huy ở đây có nghĩa là tự mình lập ra ý kiến riêng nhằm giải thích những điều người trước chưa nói tới, hay chưa giảng căn kẽ.

¹⁶[3] Văn ngôn và Bạch Thoại là hai thể văn của Trung Quốc. Bạch Thoại còn gọi là Ngũ Thể, một thể viết theo tiếng nói. Nói cách khác, đó là hình thức văn viết của tiếng Phổ Thông (Mandarin) hay Hán Ngữ hiện đại. Văn Ngôn là loại bút ngữ dùng trong biên chép hoặc trước thuật, là loại Hán ngữ được dùng phổ biến từ phong trào Ngũ Tứ (1919) trở về trước. Đối với người Trung Quốc, một cách thực hành để phân biệt hai thể văn ấy là: “*Hễ dùng tai nghe và hiểu được là Bạch Thoại; hễ không dùng mắt để xem thì không hiểu được thì là Văn Ngôn*”. (Theo Trần Văn Chánh, *Từ Điển Hư Từ Hán ngữ cổ đại và hiện đại*, nxb Trẻ, TPHCM, 2002).

¹⁷[4] Sao Phòng (Phòng Tú, gọi đầy đủ là Phòng Nhật Thố) là một trong Nhị Thập Bát Tú. Nhị Thập Bát Tú không phải là 28 ngôi sao riêng lẻ mà là hai mươi tám chòm sao (tinh cung) theo Chiêm Tinh Học Trung Hoa. Người Hán chia bầu trời thành bốn khu vực, gọi là Thanh Long (phương Đông), Huyền Vũ (phương Bắc), Bạch Hổ (phương Tây), và Châu Tước (phương Nam). Trong mỗi khu, lại chia thành 7 tinh cung. Do vậy, có khái niệm Nhị Thập Bát Tú. Phòng Tú là tinh cung thứ tư trong bảy tinh cung thuộc phương Đông, được coi là “bụng rỗng” vì nằm chính giữa vị trí Thanh Long. Chòm sao này được gọi tên theo ngôi sao chính là sao Phòng (Phòng tinh). Phòng Tú Tinh Cung gồm bảy ngôi sao là Phòng, Câu Linh, Kiện Bế, Phạt, Đông Hàm, Tây Hàm, Nhật Tinh và Tùng Cung.

¹⁸[5] Ung Hòa Cung chính là một ngôi chùa theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng rất lớn tại Bắc Kinh. Đây chính là vương phủ cũ của hoàng tử Dẫn Chân, tức hoàng thứ tư của vua Khang Hy. Dẫn Chân được phong tước Ung Hòa thân vương nên vương phủ được gọi là Ung Hòa vương phủ. Khi Dẫn Chân trở thành vua Ung Chánh đã biến nơi này thành hành cung, rồi ban cho Hoạt Phật Chương Gia Hô Đồ Khắc Đồ cư ngụ. Ung Hòa Cung chính thức trở thành chùa Tây Tạng vào năm Càn Long thứ 9 (1744).

¹⁹[6] Hán Vũ Đế (156-87 trước Công Nguyên) là hoàng đế thứ bảy của nhà Hán, tên là Lưu Triệt, tên tự là Thông, là con trai thứ 10 của Hán Cảnh Đế (Lưu Khải), được phong làm Thái Tử từ lúc mới lên bảy, làm vua lúc 16 tuổi, được coi là một minh quân có công đặt nền móng vững vàng cho kỷ cương, điển chế, pháp luật, hệ thống quan chức, thuế má và giáo dục hoàn chỉnh cho Trung Hoa. Ông ta theo chủ trương pháp trị, chú trọng phát triển nông thương, cũng như đổ nhiều công sức khai thác quặng sắt, nấu muối v.v... Nghe theo kiến nghị của Đồng Trọng Thư, ông đã độc tôn Nho Giáo, bãi bỏ bách gia chư tử. Tuy vậy, ông ta có nhược điểm thiếu khoan dung, quá khắc nghiệt, khiến cho nhiều người phải chịu hình phạt oan uổng như sử gia Tư Mã Thiên chẳng hạn. Tư Mã Thiên chỉ vì khuyên vua đừng phạt tội chém cả gia đình Lý Lăng khi ông này bại trận

dưới tay quân Hung Nô, Hán Vũ Đế cho là Tư Mã Thiên cấu kết với Lý Lăng bèn phạt Tư Mã Thiên phải chịu tội “cung hình” (thiến).

^{20[7]} Thiên luân là những mối quan hệ luân thường chánh đáng chẳng hạn cha con, anh em, vua tôi v.v... Niềm vui thiên luân là niềm vui sống giữ đúng luân thường, mọi người thương yêu, kính trọng lẫn nhau.

^{21[8]} Koran (còn viết là Qur'an, Quran, Kuran, Koran, Qur'ān, Coran, al-Qur'ān) là thánh kinh của đạo Hồi bằng tiếng Ả Rập. Hồi Giáo tin đây là những lời mặc khải của Thượng Đế (Allah) truyền cho giáo tổ đạo Hồi là Đại Tiên Tri Muhammad trong vòng 22 năm (610-632) qua sự truyền rao của thiên sứ Jibril (Gabriel). Những lời giảng này được biên tập thành thánh kinh Koran ngay khi Muhammad còn sống.

^{22[9]} Nhân dân tệ (Renminbi): Đơn vị tiền tệ của Trung Hoa Đại Lục.

^{23[10]} Hư tuổi là cách tính tuổi, ta thường gọi là tuổi ta, tức là vừa sinh ra đã tính là được một tuổi, không chờ đến sinh nhật đầu tiên mới là một tuổi.

^{24[11]} Cư sĩ Mai Quang Hy (1880-1947) là cậu của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Cụ có tên tự là Hiệt Vân, quê ở huyện Nam Xương, tỉnh Giang Tây. Gia đình cụ có truyền thống thư hương nhiều đời, rất được trọng vọng. Cụ đỗ khóa thi Hương năm 19 tuổi, được bổ làm Đạo Viên tỉnh Hồ Bắc năm 23 tuổi, rất được tổng đốc Hồ Quảng là Trương Chi Động coi trọng, cử làm giám đốc trường Võ Bị Hồ Bắc, sau đấy, ông Trương phái cụ Mai sang Nhật theo học trường Lục Quân Chấn Vũ Học Đường, để được huấn luyện thành sĩ quan chỉ huy. Sau khi tốt nghiệp, cụ còn theo học tại Nhật Bản Tảo Đạo Điền Đại Học, ngành chính trị kinh tế. Khi ấy, nhà Thanh đứng trước tình thế đất nước nghiêng ngửa, phải nghĩ đến chuyện duy tân, chiêu mộ hiền tài cải cách đất nước. Bạn bè khuyên cụ tham chánh, cụ khảng khái bảo: “*Công thành bị đọa, danh thành bị thiếu đức, thầy ta là cụ Dương chẳng dạy ta như thế*”. Cụ Dương ở đây chính là nhà học giả Phật giáo Dương Nhân Sơn. Cụ Mai học Phật là do người cùng làng là Khuê Bá Hoa hướng dẫn, cụ Khuê là anh một người bạn học của cụ Mai. Cụ Mai theo học Đại Thừa Khởi Tín Luận, Hoa Nghiêm, Tam Luận và các kinh điển trọng yếu của Tịnh Độ với cụ Dương. Từ đấy, cụ Mai chuyên tâm học Phật, trở thành một hành giả Tịnh Độ nhiệt thành và là một nhà nghiên cứu Duy Thức Học có uy tín, cụ từng nói: “*Chẳng phải sách Phật sẽ không đọc, chẳng phải Phật hạnh sẽ chẳng hành*”. Cùng với cư sĩ Hạ Liên Cư là hai nhân vật nổi danh với tài diễn giảng thời ấy “*Bắc Hạ, Nam Mai*”. Cụ để lại những tác phẩm nổi tiếng như Tướng Tông Cương Yếu, Tướng Tông Cương Yếu Tục Biên, Tướng Tông Sử Truyền Lược Lục, Đại Thừa Tướng Tông Thập Thắng Luận.

^{25[12]} “*Xếp đôi giấy*” (triệp điệp bản) là lối in theo sách cổ, sách được in từng trang trên một tờ giấy dài, khi in xong sẽ gấp sách thành từng trang không đóng gáy, chỉ gấn bìa ở hai đầu.

^{26[13]} Trừu đoạn: Các loại the lụa rất mịn.